

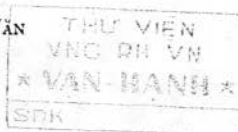
TẬP KÍ-YẾU HỘI PHẬT-GIÁO

MỤC - LỤC

	SỐ TRANG
1. Lời nói đầu	5
2. Bài chúc-từ của cụ Chánh Hội-trưởng hội Phật-giáo đọc khi tiếp sư tổ Vĩnh-nghiêm ở chùa Quán-sứ (Ngày 17 tháng một năm Giáp-tuất, 23 Décembre 1934)	6
3. Bài trả-lời của sư tổ Vĩnh-nghiêm	9
4. Mục-dịch hội Phật-giáo (Bài diễn-thuyết của ông DƯƠNG BẮC-TRẠC diễn ngày Phật-dẫn, mồng 8 tháng 4 năm Ất-hợi, 10 Mai 1935)	12
5. Phật tổ tôn-thống và nhân-thế tu-hành (Bài diễn-thuyết của SƯ CỤ CHÙA BÌNH-VONG, Hà-dông, giảng ngày mồng 7 tháng giêng năm Ất-hợi, 10 Février 1935	21
6. Công việc của hội từ tháng Novembre 1934 đến tháng Avril 1935)	43
7. Tin tức các hội-viên quá-cổ	57



HANOI
IMPRIMERIE TRUNG-BẮC TÂN-VĂN
1935



PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

TẬP KỈ-YẾU HỘI PHẬT-GIÁO

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE

Hội Phật-giáo được nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 6 Novembre 1934 cho phép thành-lập. Hội quán trung-ương tại chùa Quán-sứ số 73, phố Richaud, Hanoi.

Danh dự Hội-trưởng

Người Pháp

MM. RENÉ ROBIN, *Toàn-quyền Đông-Pháp.*
AUGUSTE THOLANCE, *Thống-sứ Bắc-kỳ.*

Danh dự Hội-viên

Người Pháp

MM. EDOUARD HENRI VIRGITTI, *Đốc-lý thành-phố Hanoi.*
GEORGE CEDEÈS, *Giám-đốc trường Bác-cổ Viễn-đông, Hanoi.*
JEAN YVES CLAEYS, *Thanh-tra các cổ-tích Trung-kỳ và Bắc-kỳ, kiêm Thư-ký trường Bác-cổ.*
LOUIS LOTZER, *Đốc-lý thành-phố Hải-phong.*
RENÉ COLIN, *Công-sứ Kiên-an.*
EDOUARD VINAY, *Công-sứ Thái-bình.*
VINCENT ROCCA, *Đốc-lý thành-phố Nam-dịnh.*
JOSEPH MASSIMI, *Công-sứ Hải-dương.*

Danh-dự Hội-trưởng

Người Nam

Cụ Lớn HOÀNG-TRỌNG-PHÚ, *Võ-hiến điển đại-học-sỹ,*
Tổng-đốc Hạ-dòng.

Danh-dự Hội-viên

Người Nam

- Các quan TRẦN-VĂN-THÔNG, *Thái-tử thiếu-bảo, Hiệp-tá đại-học-sỹ, Tổng-đốc Nam-định.*
- TỪ-ĐẠM, *Hiệp-tá đại-học-sỹ, Tổng-đốc tri-sĩ, làng Khê-hồi.*
- NGUYỄN-VĂN-BÀN *Hiệp-tá đại-học-sỹ, Tổng-đốc tri-sĩ.*
- VI-VĂN-ĐỊNH, *Hiệp-tá đại-học-sỹ, Tổng-đốc Thái-bình.*
- PHẠM-QUỲNH, *Hiệp-tá đại-học-sỹ, Ngụ-tiền văn-phòng Tổng-lý kiêm sung Học-bộ Thượng-thư, Huế.*
- PHẠM-GIA-THỤY, *Tổng-đốc tòa Thượng-thẩm Hanoi.*
- LUƠNG-VĂN-PHÚC, *Tổng-đốc Hải-dương.*
- BÙI-THIỆN-CƠ, *Tuần-phủ Ninh-bình.*
- NGUYỄN-VĂN-KHÚC, *Tuần-phủ Sơn-tây.*

Sáng-lập Hội-trưởng

Cụ NGUYỄN-NĂNG-QUỐC, hiệu VI-KHẠNH
Hiệp-tá đại-học-sỹ, Tổng-đốc tri-sĩ, Thái-hà-ấp, Hạ-dòng.

Thuyền gia Pháp-chủ

Cụ NGUYỄN-THANH-ĐÀM, pháp danh THANH-HẠNH
Sư Tổ chùa VĨNH-NGHIÊM, Bắc-giang.

LỜI NÓI ĐẦU

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT,

Trên nhờ ơn Phật-tổ phù-hộ, dưới trông cậy ở lòng tin-ngưỡng của thập-phương, hội Phật-giáo thành lập từ tháng một năm ngoài, được hết thấy mọi người hoan nghênh, các nơi lục-lục lập chi hội để hưởng ứng với hội trung-ương. Đang buổi mới sáng lập mà cơ-sở thấy có vẻ vững bền như thế, chắc là cái công-cuộc vĩ-dại và cái thể-lực bành-trướng của Hội ta sau này có cơ mau chóng vậy.

Nay Hội định in mỗi tháng một tập kỹ-yếu, trước là biên chép những bài của các vị sư trong ban chứng-minh đạo-sư cùng các cư-sĩ trong ban khảo-cứu đã giảng diễn, để làm cái cơ-quan chấn hưng Phật-học ở nước nhà, sau là đề tuyên bá những công việc đang tiến-hành của Hội.

Sau này tùy theo sự mở-mang, cách xếp-dặt và linh thể của Hội, tập kỹ-yếu này sẽ đổi làm tập Tạp-chí. Nhưng đó là một cái hi-vọng có thành tựu được hay không, còn mong ở lòng sốt-sắng của đồng-nhàn. Nếu ai cũng giúp sức vào cho cây phúc chóng lớn, thì việc tiến-hành của Hội ta chẳng bao lâu mà đạt tới mục-đích vậy.

BÀI CHÚC-TỪ CỦA CỤ CHÁNH-HỘI- TRƯỞNG HỘI PHẬT-GIÁO ĐỘC KHI TIẾP SƯ TỒ VĨNH-NHIỆM Ở CHÙA QUÁN-SỨ

(Ngày 17 tháng Một năm Giáp-tuất, 23 Décembre 1934).

Bạch Tồ và các vị đại-dức,

Thưa liệt-quý,

Hôm nay tôi được cái hân-hạnh tiếp Tồ và các ngài ở chùa này, là vị anh em trong Hội đã có lòng tin cậy, cử tôi làm Hội-trưởng hội Phật-giáo. Tôi xin thay mặt cả hàng hội mà chúc mừng Tồ và chư-tăng, không quân đường xá xa-xôi, về đây dễ tỏ lòng hợp-tác với chúng tôi, mà chỉnh-dốn một việc rất khó khăn, là việc chấn-hưng Phật-giáo ở xứ ta ngày nay.

Chúng tôi sở-dĩ đứng lên xin Chính-phủ lập ra hội Phật-giáo này, là không có lòng cạnh-tranh với ai, mà cũng không có ý gì muốn làm thiệt hại cho ai cả. Chúng tôi chỉ vì cái lòng tin đạo Phật là đạo rất mẫu-nhiệm, thấu tới cái cơ huyền-bí, và sự biến-hóa bất-thường của tạo-hóa và đem cái sáng vô - thượng mà phá tan sự mờ tối, nó làm cho chúng-sinh phải hôn-mê, trầm-luân ở chỗ bề khổ. Chúng tôi tin như vậy, và lại biết rằng đạo Phật đã truyền bá sang xứ ta từ đời Hán, Đường, rồi trải qua những quốc triều như Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, đến nay, kể có ngót hai nghìn năm. Biết bao nhiêu những vị cao-tăng, và những bậc

hiền-triết, đem hết tâm trí chuyên chú vào việc làm cho sáng rõ đạo Phật. Hiện hãy còn những diền-cổ và những di-tích lưu-truyền ở những nơi danh-lam thắng-cảnh làm cái chứng rất rõ-rệt vậy.

Chúng tôi biết thế, mà lại thấy đạo ấy ở xứ ta ngày nay có phần mỗi ngày một suy đồi, cái lòng thị-dục của nhân-chúng càng ngày càng bốc mạnh lên, đến nỗi phần nhiều vẫn theo đạo Phật mà không hiểu rõ cái nguyên-nguyên của đạo Phật là thế nào, để cho sự mê-tin che lấp cái phật-tính sáng suốt ở trong lòng người ta. Thành thử sự lễ bái ở chùa-chiền của phần nhiều người cũng chỉ là một sự mê-hoặc mà thôi. Sự tin-ngưỡng đã thấp xuống đến trình-độ ấy, thì thường người ta chỉ biết cái hình-thức bề ngoài, còn cái tinh-thần sâu xa bên trong, thì tiêu tán đi đâu mất cả.

Có người bảo rằng, đạo Phật làm cho người nhu-nhược đi, nhưng xét cho kỹ ra, đạo Phật là đạo từ-bi, bác-ái, nhưng trong cái đạo từ-bi, bác-ái ấy, có cái sức dũng-mãnh tinh-tiến, khiến người ta ai có đủ cái tin-lực tinh-thuần, thì có thể làm cho ta có cái nghị-lực rất mạnh mà đi vào con đường tiến-thủ, cả về mặt đạo-dức và mặt vật-chất. Xem ngay như trong lịch-sử nước nhà, đời Lý, đời Trần, là các đời rất sùng đạo Phật, mà người mình thuở ấy không có điều gì tỏ ra là hèn yếu cả. Lại xem như Nhật-bản bây giờ không mấy người là không theo đạo Phật, thế mà khí-thế của họ mạnh-mẽ biết là dường nào ! Xem vậy thì biết đạo Phật đối với cuộc nhân-sinh rất có lợi. Người đã biết rõ đạo ấy

là người muốn ra sức làm việc, muốn làm điều lành, điều phải để gây nên quả phúc cho mình, và cho người. Ai cũng muốn noi cái gương đức Quan-âm tự-tại, ngài phát thệ không chịu nhập Nát-bản, để ở cõi trần mà cứu-tế muôn chúng. Chư Phật còn không nở riêng hưởng cái cảnh thú an-lạc tĩnh-mịch ở nơi Nát-bản, còn muốn ra tay tế độ chúng sinh, huống chi chúng ta là người phạm ở trong cám mờ tối, chịu trăm đường cực khổ, lẽ nào tai nghe thấy tiếng khóc của đồng loại, mắt trông thấy sự lâm-than của chúng sinh, mà lại điềm-nhiên không động lòng đau xót sao ?

Bởi cái lòng đau xót ấy, cho nên chúng tôi rủ nhau lập ra hội Phật-giáo, mong rằng ta gây thành một cái cơ-quan để sau này sẽ dần dần tìm cách làm cho sáng rõ cái chân-lý ra, như vầng mặt trời bị mây mù che tối đi, lại hiện ra vằng-vặc trên không, khiến cho muôn loài lại trông thấy ánh sáng vậy.

Đó là cái sở nguyện của chúng tôi. Nhưng cái sở nguyện ấy mà có thành-tựu được, là cũng phải nhờ sức của chư tăng đem lòng thành-thực mà đúp chúng tôi. Tăng với tục đồng tâm hiệp lực, cố sức mở rộng đạo Phật ra, làm thành một tôn-giáo có trật-tự, có học-vấn, khiến cho sự tin-ngưỡng của nhân chúng được sở cứ vào chỗ chắc-chắn vững-vàng. Ai nấy sẽ biết theo con đường đúng-mãnh tinh-tiến mà bước lên, và đem lòng từ ái mà thi-hành ra ở đời, để bớt được nhiều nỗi khổ-sở ở cõi trần này.

Việc quan-trọng ấy, chúng tôi đã cần-nhắc cần-thận, lại nhờ ơn Chính-phủ đã thể tình mà cho phép lập hội, chúng tôi lại mong rằng Tổ và chư tăng đây, là bậc đại-dức trong tăng-giới, rõ cái bụng mộ-đạo của chúng tôi, không lấy việc khó-khăn mà từ chối, thể cái lòng Phật, chí công vô tư, mà đúp hội chúng tôi, cho đạt tới mục-dích. Được như thế thời cái công-dức của Tổ và chư tăng đối với hội Phật-giáo này không phải là nhỏ, mà đối với tôn-chỉ đạo Phật lại là chính đáng lắm vậy.

Sau này chúng tôi sẽ trình Tổ và chư tăng những điều-lệ của hội Phật-giáo đã được Chính-phủ duyệt y rồi, và xin thỉnh Tổ cùng chư tăng vào hội, rồi cử ra một ban « Đạo-sư » và mấy viên cố-vấn vào ban trị-sự, theo như điều lệ đã định, để hội sẽ được tiến hành, khỏi phụ cái lòng mong-mỏi của nhiều người.

Phật-giáo vạn tuế !

BÀI TRẢ LỜI CỦA SƯ TỔ VĨNH - NGHIÊM

A - DI - ĐÀ - PHẬT,

Thưa Cụ Chánh-hội-trưởng,

Thưa liệt-quý,

Kể sơn-tăng này, từ ngày được y bát chân truyền, chốc đã mấy chục năm có lẽ; chẳng may gặp hồi mạt vận, Phật pháp ngày một suy-vi, trong lòng

người ta thì cái phật-tính bị mờ tối, kẻ tu-hành thì có người mượn tiếng Phật để mưu lợi riêng cho mình, nên sơn-tăng này chỉ muốn dấu tiếng ở nơi hoang-giã, một lòng vi đạo, ra công tu-luyện để đem cái lực tán má cứu độ chúng sinh đang chịu cảnh đọa đày trong khổ hải được một phần trong muôn phần, ấy là mãn nguyện lắm vậy. Nay thấy cụ Chánh Hội-trưởng và liệt-quý cùng chung một lòng đau-xót vi thế-đạo nhân-tâm, mà lập ra hội Phật-giáo này, mục-đích là trùng hưng Phật-pháp, thật là vạn niên phất kiến.

Hôm vừa rồi, Cụ Chánh Hội-trưởng và liệt-quý đã quá bộ lên vân cảnh và tổ bày việc lập hội, tôi đã xin tâm linh. Hôm nay liệt-quý lại có cái mỹ-y mới bản-dạo về đây, chứng kiến cuộc hội-ngộ các sơn-môn, đã tổ chức cuộc đón rước long trọng, tôi nghĩ mình dừc hèn đạo mọn, có đâu ứng với cái chí-linh của liệt-quý, để khiến cho bao nhiêu người vất-vả vì tôi, thật tôi lấy làm cảm động vô cùng và cảm ơn lắm lắm. Nhất là hôm nay, tôi lại thấy quý vị hội-viên và các sơn-môn cùng các nhà thiện tín đến dự hội trước thuyền-môn được đông đúc như thế này, tôi lại càng lấy làm mừng cho cái tiền-đồ của cuộc chấn-hưng Phật-giáo mà quý hội theo đuổi từ đây. Khốn nỗi kẻ sơn-tăng này, tuổi đã chín mươi dư, thân lại mang cố bệnh, thấy liệt-quý là người tại gia mà còn phát tâm nghĩ đến việc minh-hủy Phật lý, huống tôi là môn-đồ của Phật-tổ, không lẽ khiết-nhiên tọa thị, nên nhận lời liệt-quý và nề lòng thập-phương chẳng quân lực bất lỏng tâm mà về đây, một lòng tùy hỷ công-dức, để

cùng các ngài là người ngoại-hộ mà hưng phú Phật-giáo cho được thịnh-vượng, như đời Lý, đời Trần thì thật là việc hy hữu vậy. Vả dịp này âu cũng là cơ duyên chi đây, nếu bỏ lỡ thì chắc chẳng khi nào lại còn thấy trùng lai nữa. Vì vậy kẻ sơn-tăng này xin phép Cụ Chánh Hội-trưởng cùng liệt-quý, đề ngỏ vài lời cùng chư tăng, chẳng quản đường xá xa-xôi về họp mặt đông đủ để cùng quý-hội, chung lo việc Phật-giáo.

Chư tăng! Chư tăng cùng bản đạo là đệ-tử Phật, cái trách-nhiệm nội-hộ để truyền Phật tâm ấn, phụng tuyên tam tạng thánh giáo, để lấy làm Phật pháp cương-kỷ, nhiều vị bấy lâu vẫn tùy tâm tùy lực riêng mà ra công chống trội với cái đời ba của đạo Phật trong lúc vận tàn này! Trên có Đại-nam Hoàng-đế và Chính-phủ Bảo-hộ thể tình cho phép lập thành hội Phật-giáo, trong chư tăng như có vị nào trước đã trót làm sai tôn-chỉ của đạo Phật, thì kíp nên sửa đổi thân tâm, còn ra thì nên lấy cái nghĩa lực-hòa của Phật, bỏ hết mọi sự hiềm-khích, của tông nọ phái kia, một lòng sùng bái đức Phật-tổ chi-tôn, ra công bảo trợ hội Phật-giáo làm được hoàn-toàn mọi việc, để Phật-ly ngày một xương-minh, cho quần sinh được vui-vẻ nương-nhờ dưới bóng bồ-đề mà thoát khỏi vòng trầm-luân khổ-ải, ấy là cái lòng sở nguyện của sơn-tăng đạo mông đức bạc này vậy.

A-di-đà Phật

Đại-nam Hoàng-đế vạn tuế !

Bảo-hộ Chính-phủ vạn tuế !

Phật-giáo hội trường thọ !

sinh, không có một chút gì quan-hệ cả. Họ có biết đâu rằng: đạo Phật là một đạo rất hay rất tốt, rất trung-chính, rất nhiệm-mầu, rất hoàn-toàn vô tặc: chẳng những không phải là một cái đạo chán đời, mà lại chính là một cái đạo cứu đời; chẳng những không phải là một cái đạo tịch-đuyệt, hư-vô mà lại chính là một cái đạo tinh-tiến phương-tiện. Đối với nhân-sinh, đạo Phật có cái công-dụng thật là to lớn vô cùng. Ai mà không tin như vậy, thì tôi xin hãy hỏi một câu rằng: Làm người có khổ hay không? ở đời có cực hay không? Muốn miệng một lời, tôi dám chắc ai cũng phải đồng thanh mà than thở với tôi rằng: Thật làm người là khổ, ở đời là cực. Và tôi đổ ai dám cãi lời Phật nói: « *Nước mắt chúng sinh ví đem lịch lại thì còn nhiều gấp mấy nước mặn ở ngoài bể khơi* ». Đã chịu rằng làm người có khổ, ở đời có cực, thì tôi lại xin hỏi: kẻ đói gần lả, nay có cơm đem đến cho ăn khỏi đói, ăn hay là không ăn? Kẻ đau đã liệt, nay có thuốc đem đến cho uống khỏi đau, uống hay là không uống? Người đời kêu khổ, nay có cách làm cho hết khổ, theo hay là không theo? Cái cách làm cho người đời hết khổ chính là đạo Phật đấy.

Muốn giải rõ đạo Phật sao mà làm cho đời người khỏi khổ, tôi xin hỏi: làm người tại sao mà khổ? ở đời tại sao mà cực? Chính là tại cái danh-dã, cái lợi-dã ở đời nó làm đắm đuối người ta; tại cái lòng tham-dục nó làm thất-diên bát-dã người ta. Người ta phải lo dèm, lo ngày, lo ngập, lo cạn, lo được, lo hỏng, lo mất, lo còn. Chưa kể đến cái khổ

tranh nhau, đút nhau, xâu xé nhau, cày bầy nhau, ác quá hùm beo, độc hơn rắn rết. Chỉ nói riêng về cái khổ mình làm mình chịu : nào nghèo muốn cho giàu, nào hèn muốn cho sang, giàu rồi lại muốn giàu thêm, sang rồi lại muốn sang nữa, được hai nài bốn, được voi đòi tiên, nào khao-khát cái này, nào thèm-thuồng cái nọ ; người có mình không thì dâm ghen, dâm tức ; người không mình có thì dâm sợ dâm lo ; dăm-dăm dáu-dáu, như dại như say, cứ lẫn lộn với năm trước, sáu trần mà suốt đời vất-vả giữa thành sấu, nổi chìm trong bể ái. Ấy cái nguyên-nhân sự khổ của người đời là thế. Nay đạo Phật dạy người ta đừng quá mê danh lợi, đừng quá nô-lệ những điều tham muốn ở đời, chỉ chăm chú làm những việc phải việc hay, từ-bi hi-xả, thương người như mình, có công thì công, có của thì của. Một cái đạo như thế, mà người tu-hành chứng quả thì chắc là không kể danh, không kể lợi, không tham, không muốn gì, không còn có cái gì gọi là được, là hỏng, là mất, là còn, bận đến mình nữa ; không còn có ghen, có tức, có sợ, có lo gì nữa ; lúc nào cũng làm việc phải việc hay, thì lúc nào cũng thấy vui lòng hởi dạ, trong tâm trí được êm-dềm bình-tĩnh, trong tinh-thần được thứ-sương thành-thời, chẳng là nhờ cái đạo ấy mà được hết khổ ở đời ư ? Tôi lại xin hỏi : Giả thử ở trong đời mà người nào cũng giốc chí tu-hành, cũng sạch được hết lổng danh-lợi, cũng trừ được hết điều tham-muốn, người nào cũng không

tán sát, cũng không nói dối, cũng không trộm cướp; cũng không tá dâm, người nào cũng bỏ điều lỗi, cũng làm điều lành; người nào cũng hòa-thuận nhau, cũng thân-yêu nhau, cũng giúp đỡ nhau, cũng ăn ở phải đạo cùng nhau; một nhà như thế, thì có lẽ nào cái nhà ấy không xương-long; một nước như thế, thì có lẽ nào cái nước ấy không hưng-vượng; một xã-hội như thế, thì có lẽ nào cái xã-hội ấy lại không lạc-lợi thái-bình; chẳng cũng là nhờ cái đạo ấy mà đời hết khổ ư? Hoặc giả có người nói: Người ta mà đến sạch hết lòng danh lợi, trừ hết điều tham muốn, thì còn thiết gì đời, còn chịu lo công tình việc gì ở đời, một cái đạo giầy người như thế, thì chẳng là ru ngủ người ta cho hết thấy thành hư-vô tịch-duyệt ư? Vậy thì tôi xin hỏi: Giả thử có một người không thiết danh, không thiết lợi, không tham, không muốn gì cả, mà người ta chỉ thích làm việc phải việc hay, hầu như người ta chỉ lấy sự đó làm sự vui sướng thật ở đời; người ta làm đúng được như lời Phật dạy trong kinh *Lễ sáu phương*: « Ở với cha mẹ hết đạo làm con, ở với con hết đạo làm cha làm mẹ, ở với thầy hết đạo làm trò, ở với trò hết đạo làm thầy, ở với kẻ dưới hết đạo làm người trên, ở với người trên hết đạo làm kẻ dưới, vợ chồng, anh em, họ-hàng, bạn-bạn, đối với người khôn kẻ dại, người hay kẻ dở đều làm trọn được cái phải của mình; người ta lại thể được cái bụng nhân từ của Phật, pháp thí, tài thí, xả thân vong kỷ mà độ thế cứu

nhân, bao nhiêu việc phải việc hay lúc nào người ta cũng dưng-mãnh tinh-tiến mà làm, cũng chịu khó nhẫn-nhục mà làm ». Một người như thế, thì ai dám bảo rằng người ấy còn phóng-khí cái nghĩa-vụ gì ở đời, còn thua kém cái công nghiệp gì ở đời ; ai còn dám bảo vì đạo Phật ru ngủ người ta, tịch-duyet hư-vô, chứ không phải cảnh-sách người ta tự-cường tự-lập ?

Xét như thế, thì biết đạo Phật cứu khổ được cho người, cứu khổ được cho đời, giúp ích cho người làm việc phải việc hay, giúp ích cho đời được yên-vui, bình-trị ; cái công-dụng đạo Phật đối với nhân-sinh không phải là nhỏ vậy. Nhất là ở vào một nước như nước ta bây giờ, phong-lực dâm-mỹ, lòng người kiêu-ngoa, kẻ có học thức, có tư-tưởng thì dâm ra phần uất đối đương, bọn nam nữ thanh niên thì đua nhau phóng-lung liêu-linh, càng cần phải nhớ về cái công-dụng Phật-giáo họa có khích-phát nhân-tâm, duy-tri thế-đạo được chút nào chăng.

Kể ra đạo Phật truyền bá vào nước ta cũng đã có đến ngót hai ngàn năm nay. Ngay từ lúc Đinh, Lê lập quốc, lúc ấy cũng đã có những bậc cao-tăng thực-học như ông Khuông-Việt, ông Pháp-Thuận giúp vua giúp nước, ti ích rất nhiều ; từ đấy quốc-vận một ngày một lên, trình-độ quốc-dân một ngày một tiến, biết đâu chẳng nhờ có cái công dụng Phật-giáo ở trong đó một phần to. Sau đến Lý, Trần, Lê là lúc nước ta phát-đạt thịnh vượng hơn cả, thì chính cũng là lúc đạo Phật thịnh hành trong nước ; lúc ấy có những bậc Hoàng-đế cũng

lâm tăng. Hoàng-hậu cũng lâm ni, chùa Phật khắp
 kể chợ nhà quê đâu đâu cũng có. Không may Phật-
 giáo lưu hành trong nước ta, càng sau càng tệ, chỉ
 trọng về sự lễ-bái mà nhãng mất sự tu-hành; chùa-
 chiền chỉ là chỗ dâng hương cầu phúc, thành ra
 đến nỗi giáo-lý đạo Phật càng ngày càng tối tăm,
 nhân vật trong tăng đồ càng ngày càng kém cỏi; đến
 nỗi có nhiều người ngày ngày đi chùa, ngày ngày lễ
 Phật, thành tâm mộ Phật, mà ngoài sự mong cầu về
 dương họa, phúc, báo, ứng một cách vô lý, giá có hỏi
 đến giáo-lý của Phật, đến những phép lành, những
 cấm giới của Phật, thì ít người hiểu thấu. Cứ cái
 tình hình Phật-giáo hiện thời ở nước ta như thế,
 mà không chấn-hưng lại, thì e có ngày tiêu-diệt, dân
 mình nước mình cũng chẳng trông nhờ về cái
 công-dụng Phật-giáo bổ ích cho chút nào nữa cả.

Chúng tôi nghĩ thế, nên mới cùng anh em chị em
 giáo-hữu lập ra hội Phật-giáo này. Mục-dịch là cốt
 đề chấn-hưng lại cái nền Phật-giáo ở nước nhà,
 khuyên nhủ nhau cố hiệu lấy đạo Phật cho rành,
 làm lấy đạo Phật cho đúng, đề độ lấy mình và độ cả
 cho người.

Những công việc trong hội chúng ta dự-định
 liền hành, có mấy việc là quan-trọng hơn nhất, tôi
 xin lược kể hầu các Ngài nghe đề mong các Ngài
 cùng công-nhận, cùng tán thành, cùng đề lòng toan
 liệu.

1° Lập ra một ban chuyên coi việc nghiên-cứu và
 giảng-diễn về đạo Phật. Bây giờ hãy bắt đầu làm
 một quyển nhật-tụng đặt tên là *Phật-giáo nhật-tụng*.

có các bài lễ niệm, và mỗi tháng in một *tập kỹ-yếu* để kính tống cho hội-viên, rồi sau sẽ ấn-hành những *báo, chí, kinh, sách*, đem cái giáo-lý rất hay rất tốt, rất trung-chính, rất nhiệm-mầu của Phật-tổ mà diễn đạt ra một cách rất rõ-ràng giản-quạt, để người theo Phật có nơi chuẩn-dịch, mà khỏi đi lạc lối sai đường.

2° Làm một ngôi chùa Hội. Bây giờ hãy trùng tu ngôi chùa Quán-sứ để có chỗ cho giáo-dồ lễ bái và đủ nơi nhóm họp làm các công việc Hội trung-ương, rồi sau sẽ chọn một nơi phong-cảnh danh-thắng nhất trong Bắc-kỳ, dựng một ngôi chùa thật là rộng-rãi mông-mênh, cao lớn, đồ-sộ, tráng-lệ nguy-nga, gọi là Trung-ương Phật-tự. Vì Phật-giáo là một tôn-giáo vốn có đã lâu đời ở nước ta, mà chúng ta tin chắc rằng Phật-giáo sẽ có một cái ảnh-hưởng rất tốt cho dân mình nước mình về sau, lẽ tất nhiên là phải có một ngôi Phật-tự xứng đáng như thế, để làm nơi chiêm-ngưỡng cho cả giáo-dồ toàn quốc và nếu cái hình ảnh một tôn-giáo rộng lớn thiêng-liêng, dù có hao công tốn của, chúng ta cũng chớ nên ngần-ngại.

3° Lập ra một ban hộ-niệm, chuyên giữ việc giúp đỡ cho hội-viên nào đau ốm mà chẳng may gặp cảnh nhà đơn chiết, và đi đưa đám siêu-độ vong-linh cho hội-viên nào hết kiếp từ trần. Bây giờ hãy bắt đầu lập một ban làm việc ở nơi Hội trung-ương, rồi sau hãy các chi-hội nơi nào thành lập sẽ cũng đều lập ra mỗi chi-hội có một ban ấy.

4° Mở Chư-tăng học-viện. Bây giờ hãy tạm mở ra một lớp học ở chùa Bồ-đề dạy các tiểu, trước

học cũng đã kha-khá, hội đã cất một vị sư và một vị cư-sĩ ăn lương của Hội dương dạy, rồi về sau sẽ mở dần ra các Học-viện, lựa lấy những người nhỏ tuổi thông tuấn mà cha mẹ tình nguyện cho học đạo làm sư, đào luyện cho có đủ học-thức, đủ trí-tuệ, đủ đức-hạnh để đi truyền giáo giảng đạo ở các chùa.

5° Tổ-chức lại hội tăng-già cho có kỷ-luật, có trật-tự, có thống-hệ. Ở trung-ương có một vị Tăng-thống trưởng-quản hết thảy mọi công việc trong hội tăng-già. Ở các chùa các nơi quy lại bao nhiêu chùa cùng trong tỉnh vào làm một xứ, mỗi xứ có một vị sư Cụ trưởng-quản công việc trong xứ đó. Vị Tăng-thống có mấy vị thượng-tọa giúp sức người, trông coi về những việc dụng nhân hành chính, sổ sách thu chi, lại có mấy vị hành-tăng giúp sức người, đi kiểm-sát các chùa các nơi, giám-đốc truất-trắc các sư dưới. Các sư các chùa đều do vị Tăng-thống ở trung-ương cất-cử, đều phải chịu mệnh-lệnh dưới luật của vị Tăng-thống và theo dưới quyền các vị hành-tăng đi kiểm-sát cùng vị sư Cụ ở xứ mình.

6° Tổ-chức các giáo-dồ thành hẳn ra một giáo-hội, giáo-dồ trong cùng một thôn xã hay cùng một phường phố, ghép lại thành từng giáo khu, mỗi khu đặt một người khu-trưởng và một người phó khu-trưởng để thi-hành qui-luật của trung-ương và đôn-đốc việc tu-hành cho những giáo-dồ trong khu ấy. Phạm ai đã vào hội, thi vợ con cháu chất đều phải qua một lần tới chùa hội làm lễ qui y, và ghi tên tuổi vào sổ giáo-dồ trong khu mình ở, phải

mỗi ngày mỗi niệm phật tụng kinh nhật-tụng, phải ít ra mỗi tháng hai ngày sóc vọng, tới chùa hội làm lễ sám-hối và nghe thuyết-pháp giảng kinh, đối với qui-luật hội với sự tu-hành, phải tuân theo khu-trưởng trong khu mình truyền bảo.

Ngoài ra còn những việc từ-thiện cứu-tế như bệnh-viện, học-đường, nghĩa-địa, nhà tế-bần, nhà dục-anh, nhà hộ-sinh, nhà dưỡng-lão vân vân... sau sẽ tùy tiện chỗ nào liệu tái-lực của Hội có thể làm được đến đâu, thì cũng làm cả. Ấy những công việc Hội chúng ta dự-định tiến-hành như thế đấy. Bây giờ tôi xin có một câu cùng các ngài đồng-thanh phát-nguyện trước Phật-dải rằng: «Lạy đức Phật-tổ pháp-lực vô cùng; người dọi đèn trí-tuệ để soi tâm, soi trí cho chúng tôi, người dương đuốc đại-giác để mở đường mở lối cho chúng tôi giữ trọn được năm điều giới của người, tu trọn được sáu phép lành của người. Về công việc hội, cũng xin người ban cho cải sức quảng-đại thần-thông, hun nhóm cái nhiệt-thành của chúng tôi đừng có nguội, phấn-dương cái nghị-lực của chúng tôi đừng có sờn, bài trừ được mọi nỗi khó khăn mà về thành quả phúc, sung-sướng nhường nào, hi-vọng biết bao!

Nam-mô A-di-đà Phật

PHẬT-TỔ TÔN-THỐNG VÀ NHÂN-THỂ

TU-HÀNH

Bài diễn-giảng của sư cụ chùa Bình-vọng Hà-đông, giảng ngày mùng 7 tháng diêng, năm Ất-hợi, ngày 10 Février 1935.

Kính-bạch các cụ Chứng-minh Đạo-sư,

Các ngài thính-giả,

Hội Phật-giáo của ta nay đã thành-lập, bản-đạo rất lấy làm hoan-hỉ vô-cùng. Nay ban Đạo-sư chẳng hiềm tôi học sơ đức bậc mà cử tôi ra thuyết-pháp cho công-chúng lần thứ nhất này, nghĩa-vụ tôi không thể từ-chối được. Vậy xin đem mấy điều tóm tắt về tôn-thống của Phật-tổ truyền đạo và những nghĩa cốt-cách của nhân-thể tu-hành giải-bản ra sau này đề đại-chúng cùng nghe, có chỗ nào sai lầm xin các ngài từ-mẫn cho kẻ bản-đạo tuổi-tác này trong khi buổi mới.

Thưa các cụ, các ngài,

Lê ra thi đạo Phật ta vốn không cần phải dùng đến ngôn-thuyết gì, nghĩa là đạo Phật thì thực là cao sâu rộng-rãi vô-cùng, nhưng rút lại thì chỉ cốt dạy cho chúng-sinh biết giữ lấy cái bản-tính chân-như của mình, bản-tính chân-như ấy chúng-sinh với Phật cùng bình-đẳng như nhau, cho nên gọi là Phật-tính. Song chỉ vì chúng-sinh mơ-màng không hiểu đến cái bản-tính chân-như của mình ấy, cho nên Phật phải dùng lời nói để dạy cho chúng-sinh

được tỏ-rõ mà giữ lấy cái bản-tinh chân-như của mình. Ấy đạo Phật sở-dĩ phải lập ra có ngôn-thuyết là vi thể.

Nay người theo đạo Phật mà muốn đi tới cõi đạo, thì thể tất phải do từ gần rồi mới đến xa được. Mà nhất là ít ra cũng phải hiểu lấy chỗ đại-yếu về tôn-thống truyền đạo của các đấng Phật-tổ thì mới biết được lối chân-chính tu-hành là thế nào. Vậy tôi xin đem nghĩa phương-tiện chia làm hai phần mà lược giảng về hai vấn-dề ấy.

I. — GIẢNG VỀ TÔN-THỐNG TRUYỀN ĐẠO · CỦA CÁC Đấng PHẬT-TỔ

Đạo Phật kể từ kiếp vô-thủy 無始 無始 無始, thì có đức Phật Uy-âm 威音 ra đầu là đời thứ nhất. Uy-âm nghĩa là trước trời đất mà không biết bao giờ là trước, sau trời đất mà không biết bao giờ là sau, cho nên trong đạo Phật lại có tôn-hiệu nữa của Ngài là Vô-thủy Uy-âm 無始 威音. Nghĩa ấy tức như Nho-gia gọi là *Thái-cực*, là đời Hồng-hoang; cổ-sử gọi là ông *Bản-cổ* và đạo-gia thì gọi là vị *Vô-thủy Thiên-lôn* vậy.

Đức Phật Vô-thủy Uy-âm đem đạo Phật truyền qua bảy đời là : Đức Phật TI-BÀ-THI 毗婆尸, Đức Phật THI-KHÍ 尸棄, Đức Phật TI-XÁ-BÀ 毗舍婆, Đức Phật CÂU-LƯU-TÔN 拘留孫, Đức Phật CÂU-LA-HÀM MÃU-NI 俱羅舍牟尼 và Đức Phật CA-ĐIỆP 迦葉 là bảy đời, tức gọi là *Quá khứ thất Phật* 過去七佛 vậy.

Đức Phật CA-ĐIỆP lại truyền cho Đức Phật THÍCH-CA là về đời thứ tám. Đức Phật THÍCH-CA là Đại

giáo-chủ ở đời hiện-tại ta này, ta nên lược biết sự-
lịch Ngài khi ra đời. Ngài vốn trước đã là đức Hộ-
minh Bồ-tát 護明菩薩 ở trong cung tầng trời Đâu-
xuất 5000 năm. Vì ngài thấy chúng-sinh ở nhân-gian
này đắm đuối vào bến mê, Ngài muốn cứu vớt, nên
Ngài giáng-sinh xuống nước Ca-ti-la-vệ tức là cõi
Trung Ấn-độ, làm ngôi Thái-tử của nhà vua Tinh-
phạn. Ngày mồng tám tháng tư dương đời vua
Chiêu-vương nhà Châu bên Tàu năm Giáp-dần
thứ 24.

Ngài thông-minh rất mực, văn võ toàn tài và lâu
thông cả bách-nghệ. Thuở còn nhỏ, nhân khi thông-
thả. Ngài đi chơi, ra bốn cửa thành, trông thấy bốn
cái cảnh «sinh, lão, bệnh, tử 生老病死 và những
việc phiền não lòi-thối, Ngài bèn bỏ ngôi Thái-tử
giàu sang mà đi tu.

Ngài vào núi Tuyết-sơn tu-hành. Ngài tu-hành 6
năm thì thành đạo.

Đạo của ngài dạy ta phân ra làm ba bậc gọi là
Tam thừa 三乘. Tức là *thượng-thừa*, *trung-thừa*
và *hạ-thừa*.

Thượng-thừa là ngôi Bồ-tát tu phép *lục độ* 六度.
Lục độ là *bố-thí*, *tri-giới*, *nhẫn-nhục*, *tinh-tiến*, *thuyền-*
định và *tri-tuệ* ấy là sáu phép. Trung-thừa là ngôi
Duyên-giác tu phép *thập-nhị nhân-duyên*. *Thập-nhị*
nhân-duyên là « Vô minh 無明 » duyên ra « hành 行 »,
« Hành » duyên ra « thức 識 », « Thức » duyên ra
« danh sắc 名色 ». Danh-sắc duyên ra « lục nhập
六入 », « Lục nhập » duyên ra « xúc 觸 », « Xúc »
duyên ra « thụ 受 », « Thụ » duyên ra « ái 愛 », « Ái »
duyên ra « thủ 取 » « Thủ » duyên ra « hữu 有 »

« Hữu » duyên ra « sinh 生 », « Sinh » duyên ra « lão tử 老死 » là những cái « ru-bi, khổ-não ». *Hồ-thừa* là ngôi Thanh-văn tu phép *Tứ-đế* hay là *Tứ thánh đế* 四聖諦. *Tứ thánh đế* là: *khổ thánh đế* 苦聖諦, *lập thánh đế* 集聖諦, *diệt thánh đế* 滅聖諦 và *đạo thánh đế* 道聖諦.

Ngài lại phân ra có hai phép dạy là: *tiệm-giáo*, *đốn-giáo*. *Tiệm-giáo* là phép dạy bậc trung-thừa. *đốn-giáo* là phép dạy bậc thượng-thừa. Các phép dạy ấy đều là đề độ cho chúng-sinh qua vòng bề khổ lên tới bến bên kia, cho khỏi bị trầm-luàn mãi mãi. Lên bến bên kia nghĩa là được giải thoát, không phải sinh tử trong vòng luân-hồi về mọi thứ hạ-sinh nữa.

Phật cho cõi đời ta này là đời « *ngũ trọc* 五濁 » là năm thứ như trọc: 1° *Kiếp trọc* 劫濁 là thời-kiếp như bánh xe quay, năm tháng thêm bớt như bản. 2° *Kiến trọc* 見濁 là những cái kiến thức sai lầm như biên kiến, ác kiến vân vân, làm như bản lòng chúng sinh. 3° *Phiền não trọc* 煩惱濁 như những cái tham, sân, si nghi-mãn làm như bản lòng người. 4° *Chúng-sinh trọc* 衆生濁 là đời chúng-sinh đau đấy đều bị quanh-quần thác sinh như bản. 5° *Mệnh trọc* 命濁 là chúng-sinh trong vòng trần-thế, sống không được bao lâu mà phải chịu như bản. Vả chớp mắt ảnh-bào, trời đất chẳng qua là chỗ trọ cả, chen chân danh-lợi, sang hèn ấy cũng một loài má thoi. Trăm năm ai cũng như ai, nghìn năm ai cũng là người thế-gian. Bán đi trăm thức khôn-ngoan, các thêm mua lấy chữ *nhàn* được không? Ấy chúng-sinh thì cứ lăn quần làm-than trong cái đời ngũ-trọc

này như thế mãi, thế mà đức Thích-ca Ngái cũng xuất thế ở đời ngũ-trục này mà Ngái thành Phật được thì công đức biết chừng nào!

Công-dec giáo-hóa của Ngái có *ngũ-thời, bát-giáo*. *Ngũ-thời* 五時 là năm thời-kỳ, là *Thời-kỳ thứ nhất* là khi Ngái mới thành Phật ở nước Ma-dề trong chốn đạo tràng Tịnh-mịch. Ngái thuyết pháp ra kinh Hoa-nghiêm 花嚴. Kinh ấy thuộc về đốn-giáo là giáo nhất thừa diệu-đạo, ý tứ rất là cao xa.

Những bậc đại-trí như ông Xá-ly-phất, ông Mục-kiền-liên và các vị Bồ-tát má cũng không hiểu hết được.

Thời-kỳ thứ hai Ngái ở vườn Lộc-uyên 鹿苑 thuyết pháp ra bốn bộ kinh A-hàm tức là: *Thượng A-hàm, trung A-hàm, hạ A-hàm* và *Tăng-nhất A-hàm*.

Thời-kỳ thứ ba Ngái thuyết-pháp ra những kinh Phương-dăng như kinh *Duy-ma*, kinh *Tư-ich*, kinh *Lăng-già*, kinh *Lăng-nghiêm* vân vân, đề dẫn từ bậc dưới lên bậc trên.

Thời-kỳ thứ tư Ngái thuyết-pháp ra kinh *Bát-nhã*, kinh *Tán Bát-nhã-quang*, kinh *Đại-phẩm Bát-nhã*.

Thời kỳ thứ năm, khi ấy Ngái ở trong hội Linh-sơn, thuyết-pháp ra kinh *Pháp-hoa*, kinh *Nát-bàn*. Ấy gọi là Ngũ-thời thuyết-pháp.

Bát-giáo là tám cách dạy, là: 1° *Đốn-giáo* 頓教, 2° *Tiệm-giáo* 漸教, 3° *Bí-mật-giáo* 秘密教, 4° *Bất-định-giáo* 不定教, 5° *Tạng-giáo* 藏教, 6° *Thông-giáo* 通教, 7° *Biệt-giáo* 別教, 8° *Viện-giáo* 圓教.

Đốn-giáo là nói trực-triệt như kinh *Hoa-nghiêm*. *Tiệm-giáo* là dạy dần dần lên như khi ở Lộc-uyên.

Bí-mật-giáo và *Bất-định-giáo* thì ở trong cả bốn thời kỳ. *Bí-mật* là như chúng-sinh nghe Phật thuyết pháp một tiếng thì mọi người mọi hiểu và được chứng ngộ. *Bất-định-giáo* như Phật nói về đạo đại-thặng mà chỉ chứng được tiểu-quả, như ông Xá-ly-phất khi nghe giảng kinh *Hoa-nghiêm*, thì như manh như tằm không hiểu, là vì tiểu-cơ thì chứng tiểu-quả, cho nên nghe cũng không lợi ích gì. Thế mà như ông Đề-vị, ông Ba-ly là hai người khách buôn tại gia, nghe Phật thuyết-pháp về đạo *Ngũ-giới* là phép tu về cõi thiên-nhân mà chứng được phép lớn. *Tạng-giáo* là *tam-tạng*, *tam-thừa* cùng tới chỗ ngộ-đạo. *Thông-giáo* là bậc lợi căn Bồ-tát. *Biệt-giáo* là dần dần lấy trí-tuệ mà dứt bỏ những điều mê-hoặc để chứng quả tu. *Viên-giáo* là lấy lý-trí mà dứt những cái phiền-não cho hạnh-vị đều viên dung cả để chứng đạo Bồ-đề.

Đức Phật Thích-ca Ngái lấy các phép giáo-hóa ấy để độ cho mọi loài, chưa hết hội, thì Ngái đã về cõi Nát-bàn. Ngái ra đời cũng có bốn cái số đại-kiếp. Bốn đại-kiếp là *kiếp thành*, *kiếp trụ*, *kiếp hoại* và *kiếp không*. Kiếp đức Phật Thích-ca ra đời này là kiếp trụ. Về kiếp này mới được có chín cái tiểu-kiếp còn những mười-một cái tiểu-kiếp nữa. Bởi vì mỗi đại-kiếp có hai-mười tiểu-kiếp. Số mỗi đại-kiếp là ba-mươi vạn bốn nghìn bốn trăm muôn năm, số mỗi tiểu-kiếp là một nghìn sáu trăm vạn năm. Thế nên nói là chưa hết hội. Còn như nghĩa Nát-bàn thì là bất-sinh bất-diệt, vô-khử, vô-lai vậy.

Đương thừa cõi Chấn-dán (nước Tàu) đời vua Mục-vương nhà Châu năm Nhâm-thân thứ 53, tháng

hai ngày rằm. Đức Phật Thích-ca ngài lấy áo pháp bát pháp và đạo Nát-bản mà truyền lại cho Tổ ẨM-QUANG, thế là nghĩa y-bát nát-bản diệu-tâm vậy.

Tổ ẨM-QUANG là vị Thủy-lồ của nhà truyền, tức là ông CA-DIỆP TÒN-GIẢ. Trãi truyền đến Tổ A-NAN, Tổ THƯƠNG-NA, Tổ ƯU-BÀ-CÚC-NA, Tổ ĐỀ-ĐA-CA, Tổ GI-GIÀ-CA, Tổ BÀ-TU-MẬT-ĐA, Tổ PHẬT-ĐÀ-NAN-ĐỀ, Tổ PHỤC-ĐÀ-MẬT-ĐA, Tổ HIẾP TÒN-GIẢ, Tổ PHÚ-NA-GIẢ-NA, Tổ MÃ ĐẠI-SI, Tổ CA-TÍ-MA-LA, Tổ LONG-THỤ, Tổ CA-NA-ĐỀ-BÀ, Tổ NA-HẦU-LA-ĐA, Tổ TĂNG-GIẢ-NAN-ĐỀ, Tổ GIẢ-NA-XÁ-ĐA, Tổ CƯU-MA-LA-ĐA, Tổ ĐỒ-GIA-ĐA, Tổ BÀ-TU-BÀN-ĐẦU, Tổ MÀ-DÁ-NA, Tổ HẠC-NẶC-NA, Tổ SƯ-TỬ TÒN-GIẢ, Tổ BẢ-XÁ-TI-ĐA, Tổ BÁT-NHU-MẬT-ĐA, Tổ BÁT-NHIỄ-ĐA-LA và Tổ ĐẠT-MA.

Tổ ĐẠT-MA 達磨 ở cõi Tây-thiên là đời 28 trong truyền-gia. Ngài đem đạo Phật truyền-bá sang cõi Chấn-dân tức là nước Tàu, truyền cho Tổ THẦN-QUANG 神光. Tổ THẦN-QUANG truyền cho Tổ TĂNG-SÁN 僧燦. Tổ TĂNG-SÁN truyền cho Tổ ĐẠO-TÍN 道信. Tổ ĐẠO-TÍN truyền cho Tổ HOẰNG-NHÃN 弘忍. Tổ HOẰNG-NHÃN truyền cho Tổ HUỆ-NĂNG 惠能, thế là *sáu Tổ-sư cõi Đông-dộ*, mà Tổ ĐẠT-MA người cõi Tây-thiên thì là Thủy-lồ đạo Phật cõi Đông-dộ vậy.

Từ Tổ Đạt-ma đến Tổ Huệ-năng đều có truyền y-bát. Sau Tổ Huệ-năng thì thời không truyền y-bát nữa, mà môn-dồ của Ngài chia ra làm hai chi. Tả-chi là Tổ Nam-nhạc-nhượng 南嶽讓, hữu-chi là Tổ Thanh-nguyên-tư 青原思. Trong hai chi ấy lại chia ra làm năm phái là: Thứ nhất là phái *Vi-ngưỡng* 滄仰, thứ hai là phái *Lâm-tế* 臨濟, thứ ba là phái

Pháp-nhơn 法眼, thứ tư là phái *Vân-môn* 雲門, thứ năm là 1 hải *Tào-dộng* 曹洞.

Trên ấy là tôi lược dẫn về các vị Tổ-sư truyền đạo cho nhau ở Thiên-trúc và ở Trung-quốc. Nay tôi lại dẫn về nguyên-nguyên đạo Phật truyền-bá vào nước Việt-nam ta.

Việt-nam ta có đạo Phật kể đã lâu đời, trong sách *Linh-nam* trích-quái có hai truyện. Một là truyện Tổ Phật-quang, truyền rằng Ngài là người Thiên-trúc, đời Hùng-vương sang tu-thuyền ở trong am núi Quỳnh-vi, rồi truyền đạo-pháp cho ông Chủ-đồng-tử. Hai là truyện Tổ Khâu-dã ở chùa Giâu về đời vua Sĩ-vương. Truyện Tổ Phật-quang thì di-tích không còn và đời xa quá không biết thực hư thế nào. Còn truyện Tổ Khâu-dã thì nay sự-tích còn di-truyền ở chùa Giâu, phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh. Linh-tích « *Tứ thánh* » là Pháp-vân, Pháp-vũ, Pháp-lôi và Pháp-diện mà từ xưa dân ta vẫn phụng-sự là do ở đó. Coi đó thì biết đạo Phật ở Việt-nam không phải là mới. Nhưng vì xa đời sự-tích sách vở thất-truyền, nay chỉ biết từ Tổ Vô-ngôn-thông 無言通 trở xuống.

Tổ Vô-ngôn-thông là người Quảng-châu, đời nhà Đường. Ngài là giòng-giỏi Tổ thứ sáu. Tổ Vô-ngôn-thông trụ-trí chùa Kiến-sơ, làng Phú-đồng, tỉnh Bắc-ninh, Ngài là thủy-tổ thuyền-môn ở nước ta, Ngài truyền đạo cho Tổ Cảm-thành 感誠, lại dẫn - dẫn truyền đến Tổ Khuông-việt Thái-sư 匡越太師.

Tổ Khuông-việt là giòng-giỏi nhà vua, làm chức Tăng-thống đời nhà Đinh, được tham-dự cả triều-chính.

Sau TỖ KHUÔNG-VIỆT THÁI-SƯ dời nhà Đinh rồi đến các đời nhà Tiền Lê, nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê và Bản-triều có nhiều những bậc cao-tăng thực-đức ra đời diễn giáo. Nay tôi lược cử vài vị cao-tăng thực-đức mà xưa nay ai cũng biết tiếng.

Về triều Lê đời vua Đại-hánh có TỖ Pháp-Thuận 法順 là bậc bác học văn-chương kiêm có tài vương-tá. Ngài hiểu biết cả thời-vụ.

Về triều Lý đời vua Thần tông có TỖ Viên-thông 圓通 thi «*lam giáo*» đồ nhất-giáp. Vua hỏi ngài về lẽ «*hưng vong* 興亡» Ngài tâu rằng: «夫在人主所行何如哉。好生之德，合乎人心，故入愛之如父母。得人心則興，失人心則亡。Phù tại nhân chủ sở hành hà như tại. Hiếu sinh chi đức, hợp hồ nhân tâm, cố nhân ái chi như phụ mẫu. Đắc nhân tâm tắc hưng, thất nhân tâm tắc vong. — Lê ấy chỉ bởi ở công việc của đấng nhân chủ làm thế nào đó thôi. Đấng nhân chủ mà có cái đức hiếu sinh, thiệp hợp vào lòng người, thì người ta yêu mến như là cha mẹ. Thế cho nên được lòng dân thì hưng thịnh, mất lòng dân thì bại-vong.» Vì câu ấy vua phóng ngay cho TỖ Viên-thông 圓通 là bậc Quốc-sư và ban cho được vào triều-yết cũng cùng tước trật như ngôi Thái-tử.

Triều Lý lại có TỖ Khổng-lộ THUYỀN-SƯ, ngài vốn quê ở huyện Giao-thủy, phủ Xuân-trường, tỉnh Nam-dịnh. Ngài tu môn thần thông, truyền rằng Ngài có lắm phép lạ lũng thiên kỳ vạn quái, bay lên trên không, đi trên mặt nước được. Tức như câu chuyện Ngài sang Tàu khuyên giáo đồng của vua nhà Tống, chỉ một cái túi tay xách mà trúa hết cả kho đồng, khi về ngã cái nón tu-lờ làm

thuyền vượt bể. Song công-đức của Tồ Khổng-lộ có một sự đáng tin mà sử xanh cũng hay ghi chép đến, là bốn cái của báu gọi là *An-nam tứ khí* 安南四器». Tứ khí là tượng Phật A-di-dà bằng đồng ở chùa Quỳnh-lâm (Hải-dương), chuông lớn ở chùa Phả-lại (Bắc-ninh), tháp Báo-thiên 報天 ở thành Thăng-long, Vạc lớn ở chùa Phả-minh (Nam-định) đều một tay Tồ sáng chế nên. Nay bể giàu biến đổi, bốn cái vật báu ấy đều không còn, thật là một sự ta đáng lấy làm cảm tiếc. Di-tích của Tồ Khổng-lộ lại còn ở chùa Keo 鷲, chùa Trương-dòng, chùa Cồ-lễ và nhiều nơi nữa.

Đồng-thời với Tồ Khổng-lộ lại có Tồ Giác-hải 覺海 cũng quê ở huyện Giao-thủy. Tồ Giác-hải cũng tu về môn thần-thông có thể biến hóa được. Về triều Trần đời vua Minh-tông có Tồ Phả-huệ 普惠 thụ Bồ-tát giới cho vua. Lại có Tồ Nghĩa-hảo 義好 quê ở Thanh-oai, Hà-dòng, tu ở chùa Tiên-lữ và đắc đạo ở đấy, nay ở đấy hầy còn di-tích chân thân của Ngài.

Đến Bản-triều có Tồ Phúc-diên Hòa-thượng 福田和尚 thuyền học rất cao-thâm, san kinh làm sách nhiều lắm.

Coi đó thì biết các Tồ người Việt-nam ta trên ấy tuy mến đạo từ-bi nhưng vẫn có lòng « *ưu ái hào hùng* 憂愛豪雄 ». *Ưu* nghĩa là lo nghĩ về chúng-sinh trông nước, bao giờ cứu vớt cho xong. *Ái* nghĩa là yêu-đương những chúng-sinh trong một nước cũng như mình. Vì lòng *ưu ái* ấy mà chư Tồ đã đem đạo từ-bi ra để thay đổi những tính hung-dữ đi cho chúng-sinh, rồi lấy phép lục-độ mà hóa độ cho. Lấy

phép hổ-thi dễ độ cái tính san-tham cho chúng-sinh biết dúp đỡ nhau mà khỏi cái khổ nghèo cùng. Lấy phép tri-giới dễ độ cái tính phóng-dăng hủy-phạm cho chúng-sinh biết giữ lấy lòng lạnh. Lấy phép nhân-nhục dễ dập tắt cái lửa sân-khủe nó đốt cháy tâm tính chúng-sinh cho chúng-sinh đều được yên vui. Lấy phép tinh-tiến dễ độ cho những chúng-sinh có cái tính lười biếng không chịu làm lạnh. Lấy phép huyền định dễ độ cho những chúng-sinh có cái tâm tính nhộn-nhịp không yên, thì phải học phép quán-tưởng thì được yên vui ngay. Lấy phép tri-tuệ dễ độ cho những chúng-sinh ngu-si, là lấy kinh-giáo khai-đạo cho họ sáng suốt có nhiều tri-tuệ mà ra đời.

Ấy tôi gọi là cái đạo *lữ-bi vu-ái hảo-hùng* của chư Tổ là thế. Đạo ấy tức cũng là cái đạo « *nhân nghĩa* » của nhà Nho ta.

Chư Tổ là những bậc thượng-thừa Bồ-tát đã kể qua rồi, nay nói đến những bậc vua, quan, kẻ sĩ, người thứ dân hoặc mộ đạo mà xuất gia, hoặc tham thiền mà tu đạo, thì ở Việt-nam ta xưa nay nhiều không xiết kể. Xin lược kể mấy vị sau này :

Triều Lý có vua Thần-tôn. Triều Trần có vua Thái-tôn làm nhiều sách về đạo Phật, có sách Khóa-hư còn truyền đến nay, vua Thánh-tôn cũng tu, vua Nhân-tông thì xuất-gia cùng Tổ Pháp-loa, Tổ Huyền-quang là Trúc-lâm tâm Tổ; Ngài là Tổ đệ nhất hiệu là Phật Giác-hoàng.

Bản triều thì vua Hiếu-võ sùng Phật lắm. Thụ Bồ-tát-giới thì như quan Hiệp-biện Đại-học-sĩ, Nguyễn Thận-Trai.

Ấy cũng vì người trên, bậc đại-trí đã mộ Phật như thế, nên khắp trong nước đều đổ xô tận theo mà nước ta thành ra một nước Phật-giáo cả. Từ đời cổ đã thông sang đến cõi Tây-trúc, trải đến Bản-triều ngày càng rục-rờ. Duy tới hồi gần đây, đạo pháp dần suy, lòng người có phần thay đổi. Song cái đó cũng vì như trời có bốn mùa qua tiết dương-xuân rồi phải có mùa hạ mùa thu và mùa đông. Vì như đất có chỗ bằng-phẳng cũng có chỗ chùng như sông, chỗ cao như núi. Mà người ta cũng vậy, có người hay cũng có kẻ dở. Đó đều là khí-số và lý-thể khiến nên, không sao tránh khỏi.

Tuy-thế nhưng ngày nay nếu mà xét kỹ ra thì những bậc danh-dức cũng còn nhiều, chứ không phải là tuyệt không còn ai. Song ta lại phải biết rằng một vài bậc danh-dức đó tuy còn mà ít ai biết đến, là bởi hoặc vì cái vận-hội của đạo-pháp xui nên, hoặc vì gặp lúc mưa dầu nắng dãi, sợ nắng mưa mà các ngài phải lánh-ẩn đi.

Các ngài ấy, trong đã phải lánh-ẩn đi, ngoài lại không có người đúp vục. Bởi vậy mà con đường chính-giác bị bỏ vắng-tanh. Bọn hậu-tiến chỉ mê-mẩn quàng-xiên đi vào những đường ngang ngõ tắt. Gió danh-lợi quạt phẩn-phất bên tai, lửa tham-sân cháy đùng-đùng trong dạ, mà làm ra những sự lời-thôi, dễ tiếng cho chỗ thuyên-mòn cũng là vì những cố đó.

Nay gặp buổi văn-minh thịnh-hội, ở Bắc-kỳ ta đây có các cụ sư tổ, các sư tăng cùng các quan-thân, nhà học-giả, nhà thiện-tín lấy sự nhân-tâm thế-dạo làm lo mà đồng tâm hợp đức đề lập nên

hội Phật-giáo này, đã được ơn Chính-phủ cho phép, tạm lấy chùa Quán-sứ là nơi danh-thắng ở giữa thành Thăng-long này làm hội-quán, thực là một việc đáng hợp thời-cơ, có lợi-ích cho trước sau vô cùng. Mong rằng trong hội Phật-giáo này, chư sư-lăng, chư qui-vị sẽ hết sức đem đạo từ-bi ưu ái như của chư tổ Việt-nam xưa ra mà mở-mang, truyền-bá cho giáo-hóa của Phật rộng khắp xa gần mà đời bỏ thời xấu, hồi lại tinh lành như xưa; hội Phật-giáo sẽ lại phăng-phát như hội Linh-sơn vẫn còn, thì thực là một điều đáng ghi trong tôn-giáo-sử nước Việt-nam ta, quý hóa là dường nào!

Trở lên trên ấy là lời diễn về phần đạo-thống Phật-lỗ, dưới đây tôi sẽ nói về phần nhân-thể tu-hành.

Kể phép tu trong đạo Phật thì có nhiều môn, mà tóm-tắt lại thì bất ngoại có ba môn, là: *Tu về đạo người, tu về đạo Trời và tu về đạo giải-thoát Nát-ban*. Ngoài ba môn ấy lại có một môn nữa, là môn niệm Phật Tịnh-dộ.

Nói về môn tu đạo làm người. — Môn này dạy rằng: người ta ở đời mà được sang giàu, rục-rờ, vẻ-vang làm bậc hào-trưởng, thì chắc rằng người ấy đời trước đã tu nhiều rồi. Vì như nhà có ruộng tốt, lại có công trông nom cấy-cấy thì đến mùa thu hoạch tất được thóc lúa đầy bực dân kho. Còn như nếu có ruộng mà bỏ không cấy-cấy thì lấy đâu thu hoạch thóc lúa cho được. Như thế mà người ta ở trên đời, sống có được là bao nhiêu; chẳng qua cũng như giặc chiêm bao, như đám sương mù buổi sớm; nếu không làm được việc phúc-thiện gì thì

300 20 100

300 31 100

200 71 100

khi hơi thở tắt rồi, mình đã dời ra cái đời xa-dọa khác, các việc trên nhân-thế đều thành không. Vậy nếu muốn kiếp kiếp được làm người, thì phải tu-trí lấy *ngũ-giới* thì mới không mất cái thân người. *Ngũ-giới* cũng như như Nho có « *ngũ-thường* ». Trong *ngũ-giới*, giới thứ nhất là *bất-xát* là không giết ai và mọi loài chúng-sinh. So với « *ngũ-thường* » tức là chữ: « *nhân* 仁 », như: *Kỷ sở bất dục vật thị tr nhân* 己所不欲勿施於人: « *điều mình không muốn chớ đem dãi người ta* ». Giới thứ hai là *bất đạo* là không ăn trộm, ăn cắp của ai một lí một hào, so với *ngũ-thường* tức là chữ nghĩa « *nghĩa* », như « *Phi nghĩa bất thủ* 非義不取: « *Của gì lấy mà là phi nghĩa thì không lấy* ». Giới thứ ba là *bất tà dâm* là đã có sinh-lẽ rồi thì không được can-phạm người ngoài, so với *ngũ-thường* tức là chữ « *lễ* 禮 » như « *Phi lễ vật thị* 非禮勿視: « *Trông nơi nào mà là phi lễ thì không trông* ». Giới thứ tư là *bất vọng ngữ*, là không được nói dối nói bịa, nói đơm đặt cho ai, so với *ngũ-thường* tức là chữ « *Tín* 信 », như thường xét mình « *Đữ bằng hữu giao ngôn nhi bất tín hồ* 與朋友交言而不信乎: « *chơi với bè bạn, nói mà không giữ lấy điều tin chằng* ». Giới thứ năm là *bất ầm tửu* là không uống rượu say sưa, so với *ngũ-thường* là chữ « *trí* 智 », như *bất vi tửu khốn* 不爲酒困: « *chẳng bị rượu làm khốn mình* ».

Giữ được đủ *ngũ-giới* lại phải *phóng-sinh*, *bố-thí*, *tụng-niệm*, làm mọi điều lành thì mới tu được vẹn đạo làm người, gọi là đạo *nhân-thặng* vậy.

Môn tu về đạo trời nghĩa là tu để cho sau được sinh lên cõi trời. Môn này dạy rằng đã được sinh,

làm người ở cõi đời này là đã có túc phúc. Nếu biết tu-trì mà giữ được đạo thập-thiện thì dần dần sẽ được sinh lên cõi trời. Cũng như người trồng cây, trước phải tìm lấy một chỗ đất tốt rắc một hạt giống xuống rồi chăm-chút vun tưới cho cái hạt giống ấy nở mọc ra, dần dần lớn lên mà thành một cây rất to. Đến thời cây ấy ra hoa kết quả thì mình thụ dụng vô cùng. Bằng kẻ lười biếng không chịu giồng giọt gì thì bao giờ có quả ngon mà hưởng. Cũng như người không chịu tu làm điều lành thì bao giờ được sinh làm người ở trên cõi trời được.

Vậy muốn làm người sinh lên cõi trời thì phải giữ mà tránh khỏi *ba điều ác bởi thân mình ra, bốn điều ác bởi miệng mình ra và ba điều ác bởi ý mình ra.*

Ba điều ác bởi thân mình mà ra là sát 殺, đạo 盜 và tà dâm 邪淫 như đã giải ở trên. *Bốn điều ác bởi miệng mình mà ra là: vọng ngôn 妄言, ý-ngữ 綺語, lưỡng thiệt 兩舌 và ác-khẩu 惡口.* *Vọng ngôn* là nói dối, vậy nói phải giữ để nói cho thực, không được nói sai. *Lưỡng thiệt* là một việc mà lúc nói thế này lúc lại nói thế khác. Vậy nói phải giữ lấy một mực không thay đổi. *Ý-ngữ* là nói thêu dệt điều xấu cho ai. Vậy phải giữ chớ nên nói thêm đặt. *Ác-khẩu* là nói độc ác, vậy phải tránh những lời mắng nhiếc độc ác.

Ba điều ác bởi ý mình mà ra là tham, sân và si. Tránh điều *tham* chớ có ham lái hiểu sắc và tham bỏ mọi lẽ. Tránh điều *sân* không được dận-dữ hiềm thù với ai. Tránh điều *si* phải cầu tri-tuệ để biết đôi điều giữ làm điều lành.

Thế là phải được *mười điều ác làm mười điều lành* và tu-trì cho trọn vẹn thì được thoát ra khỏi vòng

năm cái ác-thù mà sinh lên cõi trời, gọi là đạo *Thiên-lhặng*. Cứ như trong kinh nói, thì được sinh lên cõi trời Đâu-suất. Cõi ấy rất là qui-hóa và sống lâu. Có đức Phật Di-Lặc ở trong nội-cung thuyết-pháp giáo-hóa để lợi-ích cho cõi trời ấy. Kể có duyên-sinh ở cõi trời ấy đều được nghe Ngài dạy bảo. Lại cõi ấy tự-nhiên có đủ lầu-đài điện-các, kể được sinh ở đó được sống một cách phú-quí vinh-hoa, khoái-lạc vô-cùng.

Kể về cõi trời thì có ba cõi là *dục-giới*, *sắc-giới* và *vô-sắc-giới*, ta thường gọi là *tam-giới*. Mỗi cõi có nhiều tầng, cộng là 28 tầng trời.

Đấy chỉ nói về cõi trời Đâu-suất. Cõi này cũng còn thuộc về cõi *dục-giới*. Trong kinh phân ra rằng : Ai tu trọn được mười điều lành thì được thăng lên ngay đấy. Còn như ai tu được giới *bất-sát* thì lên cõi trời « *Tứ thiên vương* 四天王 », tức là Đổng-phương thuộc về ông TRI-QUỐC THIÊN-VƯƠNG 持國天王, Nam-phương thuộc ông TĂNG-TRƯỜNG THIÊN-VƯƠNG 增長天王, Tây-phương thuộc ông QUẢNG-MỤC THIÊN-VƯƠNG 廣目天王, Bắc-phương thuộc ông ĐA-VĂN THIÊN-VƯƠNG 多聞天王.

Ai giữ được hai giới *bất-sát*, *bất-dạo* thì được sinh lên cõi trời *Đạo-lị*. Ai giữ được ba giới *bất-sát*, *bất-dạo* và *bất-dâm* thì được sinh lên cõi trời *Ca-ma*. Ai tu mà giữ được cả nghiệp *thần*, nghiệp *khâu*, bảy nghiệp lành thì được sinh cõi trời *Hòa-lạc* và cõi trời *Tha-hóa tự-tại*. Thế là mới nói sáu cõi về *dục-giới* đó thôi, các cõi trời còn nhiều, tu dần-dần mãi mới lần-lượt lên được.

Nói về môn tu đạo *Giải-thoát sát-bản*. Môn này trong kinh nói phải tu *vẹn mọi điều lành* và *phép từ không định* 四空定 cùng làm rộng các việc công đức.

Từ không định là : 1° *Không xứ định* 空處定, 2° *Thức xứ định* 識處定, 3° *Vô sở hữu xứ định* 無所有處定, 4° *Phi phi tưởng xứ định* 非非想處定.

Tu *từ không định* dần dần lên cõi trời *Vô-sắc-giới*. Đến cõi trời *Phi phi tưởng xứ* mới là cõi đầu thứ nhất của các cõi trời. Sinh ở đấy được sống lâu làm muôn kiếp, khi phúc báo đã hết lại phải sa xuống khắp các thú.

Các thú nghĩa là thú làm loài người, thú làm loài *Tu-la*, thú làm loài *dạ-ngục*, thú làm loài *ngã-quỉ* và thú làm loài *súc-sinh*, đều tùy mình làm lành làm dữ hơn kém mà sa vào mọi thú ấy. Thế thì cũng vẫn còn phiền não khổ-sở là vì chưa cùng được *cái lẽ không* và *cái linh không*. Sao cho bằng tu đạo *giải-thoát* là đạo của những người xuất-gia.

Người xuất-gia trước hết phải tu *phép từ-đế*. *Từ-đế* là : 1° *Khổ thánh-đế* là mình phải sáng suốt biết văn-mông cái thân mình này nó bị những cái phiền-não làm bức bách trăm chiều. 2° *Tập thánh-đế* là mình phải hiểu bao nhiêu cái sự sinh-tử trần-duyên hợp tập lại. 3° *Diệt thánh-đế* là mình phải suốt biết cái khổ thế-gian như chùm ác-xoa 惡叉 nếu trật những quả đắng cay, thì mình phải rút đứt cả đi. 4° *Đạo thánh-đế* là mình đã biết nguồn-cơn ba phép trên ấy thì phải làm cho dài-tổ được lâm-linh mình ra mà thành quả đạo.

Tu phép *tứ-đế* rồi thì tu đến phép *tứ-niệm-xứ*. *Tứ-niệm-xứ* là: 1° Xem tô cái thân này trăm đường phiền não như-bụi không ra làm sao; 2° Thụ mọi lẽ lúc vui lúc khổ lắm chuyện quanh-co dồn-dập mà làm hại cái tính của mình; 3° Tâm vô thường, sáng nghĩ thế này, tối nghĩ thế khác, nhăng bỏ mọi sự lành của mình mà mơ-tưởng những cái vẻ-vang khác; 4° Phép vô-ngã là phải xem suốt cái kiếp bát-na này đến nơi đến chốn chừng độ bao nhiêu lâu, thì mới hiểu nó là cái kiếp phù-du có được là mấy mà còn ham.

Tu *tứ-niệm-xứ* rồi tu đến phép *tứ-vô-lượng*, mọi cái phiền não không còn. *Nhàn* là không mà *pháp* cũng là không, được phép *vô-lậu*, chừng quả *A-la-hán*, ra ngoài ba cõi, không mắc phải cái lửa *sinh-lão, bệnh, tử* nữa. Bấy giờ mọi cái ưu-bi khổ-não không còn ràng-buộc chi chi. Cứ như-như tự-tại, bất sinh bất diệt, thế là Giải-thoát Nát-bán.

Ta vẫn thường nói là đạo rất cao-thượng 高上 thì chắc là đạo *Giải-thoát Nát-bán* này. Song nghiên-cứu cho kỹ ra thì lại còn đạo *vô-trụ-xứ đại-Nát-bán* 無住處大涅槃 thì mới thực là rất cao vô-thượng. Đạo ấy chỉ có chư Phật mới chứng được. Nghĩa là lúc ẩn, lúc hiện, cứ tự-do sinh đâu hóa đâu, tùy ý mình không phải chướng-ngại lẽ gì. Pháp-thân thượng-tru, có thể lấy hạt cải mà tính kiếp *đề-độ* chúng-sinh. Song môn này khó tu khó chứng, ít người tu được, muốn cho rộng độ đã có môn *niệm Phật tịnh-độ* sau này.

Nói về môn *niệm Phật tịnh-độ* — Môn này rất nhiệm-mầu rất cao-thượng, dễ tu và dễ

chứng lâm. Khắp cả xuất-gia tại-gia cùng nam, nữ, lão, ấu, quý, tiện đều tu được. Đạo này là đạo bình-dẳng giải-thoát, không có nề-hà gì ai cả. Thế cho nên dù đến bậc Thượng-thặng Bồ-tát như đức Văn-thù, đức Phổ-miền, cho đến các Cao-tăng như ông Viên-công, ông Bảo-châu, ấy là những người danh-dức xuất-gia. Xuống đến những người tại-gia thì trên từ bậc Đế-vương như ông Ô-trầnh quốc-vương, dưới đến những dấng khoa-hoạn làm quan Thừa-tướng như ông Trương-Thương-Anh, quan Học-sĩ như ông Vương-Nhật-Hưu, xử-sĩ thì như ông Châu-Tục, Địch-Hoa cư-sĩ. Phụ-nữ xuất-gia thì như Bà Đại-minh, Bà Pháp-tạng. Tu tại-gia như Bà Thanh Hoảng-hậu, Bà Kinh-Vương Phu-nhân và Bà Chu-thị. Việt-nam ta thì những hạng người tu tịnh-độ như trên ấy dới nào cũng nhiều. Lại đến cả bọn ác-nhân ở Trung-quốc như Trương-Thiện-Hòa mà cũng hối-cải tu đạo được. Loài-vật thì đến con long-lữ, chim anh-vũ mà cũng tu về môn tịnh-độ ấy, được siêu-sinh cả.

Coi đó thì tu môn *niệm Phật tịnh-độ* có vua, có quan, có tăng, có ni, có sĩ-thư, có kẻ lãnh người dừ, có cả loài súc sinh, có chúng nghiệm, có sách truyện lưu-truyền, thật là một cái gương sáng treo dọc suốt từ xưa đến nay.

Vậy thì ta cũng nên soi gương ấy mà làm, ta nên sáng niệm, tối niệm, đi niệm, ngồi niệm, nằm niệm, ra làm việc gì cũng niệm. Niệm niệm mãi cho thành cái phép «*Niệm Phật tam muội*», cho sáng rõ tâm-tĩnh ta lại, cho được muôn-vạn lợi-ích cho cái thân ta sau này.

Đó là tôi chỉ mới nói về phép « niệm Phật tịnh độ ». Nhưng Tịnh-độ có mười phương. Chư Phật có mười phương, thì lại phải biết mượn đức Phật nào và cầu về Tịnh-độ nào mới được. Vậy tôi lại lược dẫn trong kinh ra đây cho rõ. Trong kinh A-di-đà nói :

« Khi bấy giờ Phật bảo một vị Trưởng-lão là ông Xá-lị-phất rằng : « Nay ông, từ cõi Nam-giàn-phù-đồ này sang tới phương-lây, cách những hơn muôn-ức cõi Phật, đấy có một cõi thế-giới gọi là cõi « Cực-lạc 極樂 », trong cõi ấy có đức Phật hiệu là A-di-đà, hiện nay Ngài đang Thuyết-pháp ở đấy. Ông Xá-lị-phất này : sao cõi thế-giới ấy lại gọi là cõi cực-lạc ? Là vì chúng-sinh trong cõi nước ấy không có mọi sự khổ mà chỉ hưởng mọi sự vui-thú, v. v.... »

Còn như những sự vui-thú về phong-cảnh mi diệu thanh-lịch ở trong nước Cực-lạc ấy thế nào, trong kinh A-di-đà đã nói tương, tôi không phải lược ra đây nữa.

Như vậy thì ta mới biết rằng cái cõi Tịnh-độ mà ta cầu được vãng-sinh ấy là nước Cực-lạc ở cõi Tây-phương, đức Phật mà ta phải nên niệm đến Ngài là đức Phật A-di-đà vậy.

Hiểu như vậy, thì ta phải nên chăm-chút mà niệm đến tôn-hiệu của Ngài luôn. Niệm để làm cái chốn an-thần lập-mệnh, cho được sống lâu vui-vẻ vô-cùng thanh-thời. Như lời Phật dạy, mệnh con người ta chẳng thường, ví như bóng đèn, mây nổi, lửa chớp, chiêm-bao, lúc đuổi hai tay nào có mang gì đi được. Vậy đã biết nguồn-cơn ấy, há chẳng nên xét minh tinh-tiến, gắng sức tu-hành, còn nhất-đán

lấy gì mà trông cậy. Người trần-thế ai là chẳng tham sinh úy tử, sao bằng tu Tịnh-dộ pháp-môn. Khi lâm-chung hồn ở Liên-dải, về Tịnh-dộ theo dõi đức Phật. Xem như người xưa tiếc từng tấc bóng, một tí bông người ta còn tiếc để làm việc cho mình, vậy thì ta cũng nên mỗi ngày bớt thi-giờ ra một lúc một lát để mà niệm Phật, để lo lấy việc ích cho chính bản-thân mình.

Nam-mô, A-di-đà Phật !

Cho được kết-luận bài này, tôi xin đọc bài tụng *Tịnh-dộ* của ông Bạch-Lạc-thiền là một vị tiên-nho đời nhà Đường bên Trung-quốc. Tiên-nho là một nhà thi-hào có danh đời ấy, đến khi tuổi già bỏ nghề thi-phú ngâm-nga, chỉ chuyên một việc niệm Phật, bên làm ra bài tụng *Tịnh-dộ* này để khuyên pháp-giới chúng-sinh. Nay xin lược bài nguyên-văn và dịch ra mấy vần quốc-âm để hiển đồng-đạo-chư-tôn cộng-lâm :

Nguyên-văn bài tụng *Tịnh-dộ* của ông Bạch-Lạc-thiền :

余年七十一。不復事吟哦。
看經費眼力。作福畏奔波。
何以度心眼。一聲阿彌陀。
行也阿彌陀。坐也阿彌陀。
縱饒忙似箭。不離阿彌陀。
達人應笑我。多却阿彌陀。
達也作麼生。不達又如何。
普勸法界衆。同念阿彌陀。
要脫輪迴苦。須念阿彌陀。

DỊCH NGHĨA :

Ta nay tuổi bảy mươi lẻ một,

Thời từ nay bỏ chút nghề thơ.

Xem kinh thì mắt đã mờ,

Làm phúc chân mỗi bòn-ba nhọc-nhăn.

Độ « tám nhơn » chi bằng niệm Phật,

« A-di-đà » thành thật niệm cầu.

Khi ngồi, đứng, lúc đi dầu,

Bạn gì cũng niệm đến câu « Di-đà »

Kẻ đạt giả cười la thờ-thiền,

« Di-đà » dầu lắm đến thế nì?

Nhưng đạt thì làm những gì,

Bằng không đạt nữa đã thì làm sao?

Vậy khuyên khắp đồng-bào Pháp-giới,

Ta cùng nhau niệm mãi không thôi.

Muốn cho thoát khỏi luân-hồi,

« A-di-đà Phật » chớ người niệm thờ.

Nam-mô, A-di-đà Phật !

CÔNG VIỆC CỦA HỘI TỪ THÁNG NOVEMBRE 1934 ĐẾN THÁNG AVRIL 1935

Biên-bản số 1. — Đại hội-dồng họp ngày 18 tháng 11 năm 1934, do cụ Nguyễn-năng-Quốc làm chủ tọa, bàn những việc sau này :

1^o Việc bầu ban quản-trị chính-thức cho đủ quyền làm việc của hội. Hội đồng y cử các vị sau này :

Chánh hội-trưởng : Cu Hiệp-tà tri-sĩ Nguyễn-năng-Quốc.

Phó hội-trưởng thứ nhất : Ông Nguyễn-văn-Ngọc.

Phó hội-trưởng thứ nhì : " Nguyễn quốc-Thanh.

Quản-lý vĩnh-viễn : " Lê-Dư.

Chánh thủ-quỹ : " Phạm-mạnh-Xung hiệu Đông-phổ.

Phó thủ-quỹ : " Lê-Toại.

Thư-ký : " Trần-văn-Phúc.

Phó thư-ký : " Văn-quang-Thủy.

Phó thư-ký : " Nguyễn-văn-Minh.

Giám thị : " Lê-văn-Phúc, Cung-đình-Binh, Trần-văn-Giác, Trần-văn-Giáp.

2^o Ghi tên sáng lập hội-viên đều là vñnh-viễn cổ-vấn hội-viên của hội. Phương danh là (theo văn quốc-ngữ) :

1. Cung-đình-Binh, Tham-tà Thương-chính, hưu-tri, Hanoi.
2. Nguyễn-văn-Canh, Phán-sự Thương-chính, Hanoi.
3. Lê-Dư, Phiên-dịch viên phủ Toàn-quyền, Hanoi.
4. Trần-văn-Giác, Phán-sự Thương-chính, Hanoi.
5. Trần-văn-Giáp, Tham-tà trường Bác-cổ, Hanoi.
6. Trần-trọng-Kim, Đốc-học, Hanoi.
7. Bùi-Kỷ, Phó-băng, giáo-str trường Cao-đẳng, Hanoi.

8. Phạm-huy-Lục, Nghị-trưởng viện Dân-biểu, Hanoi.
9. Nguyễn-văn-Minh, Phó-sự Thương-chính, Hanoi.
10. Nguyễn-can-Mộng, Phó bảng, Kiểm-học, Hanoi.
11. Nguyễn-đỗ-Mục, Tú-tài, Hanoi.
12. Nguyễn-văn-Ngọc, Đốc-học, Hà-dông.
13. Nguyễn-quang-Oánh, Kiểm-học, Hanoi.
14. Lê-văn-Phúc, chủ nhà in, Hội-viện Hội-dồng tư-nghị, Hanoi.
15. Trần-văn-Phúc, Tham-tá phủ Toàn-quyền, Hanoi.
16. Nguyễn-đình-Quế, Giáo-học, Hanoi.
17. Nguyễn-năng-Quốc, Hiệp-tá đại học sỹ, Tổng-đốc trí sỹ, Thái-hà ấp.
18. Bùi-xuân-Thành, Tài-chủ, Hanoi.
19. Nguyễn-quốc-Thành, Tham-tá Thương-chính, Hanoi.
20. Văn-quang-Thùy, Phó-sự Thương-chính, Hanoi.
21. Nguyễn-hữu-Tiến, Tú-tài, Hanoi.
22. Phan-đình-Tiến, Lục-sự hưu-trí, Thái-hà-ấp.
23. Nguyễn-văn-Tố, Tham-tá trường Bác-cổ, Hanoi.
24. Lê-Toại, Phó-sự tòa Đốc-lý, Hanoi.
25. Dương-bá-Trạc, Cử-nhân, Hanoi.
26. Nguyễn-văn-Vĩnh, Chủ-báo Annam-Nouveau, Hanoi.
27. Phạm-mạnh-Xứng hiệu Đổng-phổ, Tú-tài, Hanoi.
28. Sư-cụ Trung-hậu, Phúc-yên.
29. Sư-cụ Tế-cát, Hanam.
30. Sư-ông Đỗ-trần-Bảo, Hanam.
31. Sư-ông Vũ-đình-Ứng, Hà-dông.
32. Sư-ông Đoàn-thanh-Tảo, đương-gia chùa Quán-sứ.

3° *Việc thảo qui-tắc của hội.*

4° *Việc sáng lập Hội-viện đóng tiền vào hội. Hội-dồng bàn : những sáng-lập hội-viện, tùy ý muốn đóng từ chân chủ-tri giở lên, cho được là hội-viện chính-thức của hội.*

Biên bản số II. — Đại hội đồng họp ngày 28 tháng 11 năm 1934, do cụ Hội-trưởng Nguyễn-năng-Quốc làm chủ-toạ, bàn những việc sau này :

1° Trong qui-tắc ấn-định : ban giảng giáo có tinh-cách

« Tôn-giáo », cách tổ-chức sẽ do ban đạo-sư hợp ý-kiến với ban quản-trị ấn-định (còn chương-trình học và bằng-lộc các giáo-sư không cần nói trong qui-tắc).

2° Những tiền mà các hội-viên phải đóng hoặc cúng cho hội, thì trong qui-tắc cứ ghi theo như trong điều lệ.

3° Phải dự-định trong qui-tắc một ban kiểm-soát, chức vụ là xét sổ sách và quỹ của hội. Hội-viên ban quản-trị không được cứ suông vào chức gì trong ban kiểm-soát.

Biên-bản số III. — Hội-đồng quản-trị, họp ngày 3 tháng 12 năm 1934, do cụ Hội-trưởng Nguyễn-năng-Quốc chủ-tọa, bàn việc sau này :

1° Việc giỗ Đức Thánh-Tổ tại chùa Vĩnh-nghiêm (Bắc-giang), thì cụ Chánh hội-trưởng cử ông Quản-lý Lê-Du và sư ông Đổ-trần-Bảo thay mặt đưa lễ-vật lên cúng.

2° Việc đi đón cụ tổ Vĩnh-nghiêm về dự hội ngày 17 tháng một ta. Cụ Chánh hội-trưởng có thỉnh sư cụ Tế-cát, cử ông Phó hội-trưởng Nguyễn-quốc-Thành và sư ông Đổ-trần-Bảo thay mặt Hội đi đón. Còn việc bài-tri và đón rước thì giao cho ban Khánh-tiếp xếp đặt.

3° Cụ Chánh hội-trưởng bàn việc mua ba thứ báo : *Trung-bác*, *Đông-pháp* và *Ngo-báo* ; in quyền *điều-lệ* ; mời thành-hào trong thành-phố, chư tăng và ni các sơn-môn. Hội-đồng ưng-thuận cả. Còn việc đặt thêm đèn điện, làm biển ở cửa và làm nhà phụ-tùng, thì hội-đồng giao ông Quản-lý Lê-Dư trông nom.

4° Cụ Chánh hội-trưởng bàn việc cõ-động rủ người vào hội cho đông, nếu Hội-viên nào rủ được 50 người vào chân chủ-trì Hội-viên, thì hội sẽ tặng cho chức *Tán-trợ hội-viên*, ghi phương danh vào kim sách của hội. Hội-đồng xin đề-lưu điều ấy đến kỳ sau sẽ bàn.

5° Hội-đồng yêu-cầu cụ Chánh hội-trưởng cho thu tiền nhập hội và niên-liễm. Cụ Chánh hội-trưởng ưng-thuận. Ông Thư-ký đưa danh sách các Hội-viên cho ông Chánh, Phó thủ-quỹ làm biên-lai để thu tiền.

6^o Hội-đồng kỳ hội bất-thường, giấy mời làm gấp quá không kịp. Cụ Chánh hội-trưởng nói: Khi có công việc mời hội-viên mà ông Hội-trưởng đã biết, thì ông Phó Hội-trưởng hay ông Thư ký có thể ký thay cũng được.

Biên-bản số IV. — Ban Quản-trị họp ngày 5 tháng 12 năm 1934, do cụ Hội-trưởng Nguyễn-năng-Quốc chủ tọa bàn những việc sau này:

1^o Xin phép lập Hội quán tạm thời tại chùa Quán-sứ;

2^o Mời quan Thống-sứ Bắc-kỳ THOLANCE làm danh-dự Hội-trưởng, cụ Võ-hiến HOÀNG-trọng-Phu, quan Đốc-lý Hà-nội VIGETTI và quan Chánh-đốc trường Bác-cổ COEDÈS làm danh-dự hội-viên.

3^o Xin phép hợp chư tăng, ni Bắc-kỳ và đón sư tổ Vĩnh-nghiêm vào ngày 17 tháng 11 ta (23-12-1934).

4^o Cụ Chánh Hội-trưởng có nhắc lại những điều đã nói kỳ hội-đồng ngày 3-12-1934 về việc rủ được nhiều người vào hội. Hội-đồng quyết định hễ ai rủ được 100 hội-viên chủ-tri thì hội sẽ tặng một chức Tân-trợ hội-viên, ai rủ được 1 hội-viên Tân-trợ thì kể là 10 hội-viên chủ-tri, 1 hội-viên Vĩnh-viên thì kể là 6 hội-viên chủ-tri. Việc này hội-đồng trng-thuận cả.

Biên-bản số V. — Ban quản-trị họp kỳ hội-đồng ngày 16 Décembre 1934 do cụ hội-trưởng Nguyễn-năng-Quốc chủ tọa bàn những việc sau này:

1^o Cho dâng bái làm lễ ngày vía Đức Phật A-di-đà, 17 tháng 11 ta tại chùa Quán-sứ, Hanoi.

2^o Chương-trình ngày lễ: Buổi sáng rước sư tổ Vĩnh-nghiêm, buổi chiều bái ban Chứng-minh Đạo-sư, buổi tối lễ Phật.

3^o Mấy việc linh-tinh: Thuận theo lời bàn của ông Lê-Dur xin in tờ tuyên-cáo và ghim vào sổ điều-lệ mời thập phương vào hội. — Xét bức thư xin lập chi nhánh của hội ở Hưng-yên do ông Nguyễn-đăng-Thịnh thỉnh cầu. Nhưng

vì trong điều-lệ không nói đến chi nhánh, Hội-đồng định nếu ở Hưng-yên có đồng Hội-viên thì trong qui-tắc sắp thảo sẽ đặt là đại-lý.

Biên-bản số VI. — Ban quản-trị họp kỳ hội-đồng bất-thường ngày 25 Décembre 1934 do cụ Hội-trưởng Nguyễn-nàng-Quốc chủ tọa. Kỳ hội-đồng này hội-viên, làng, nì ở Hanoi và ở các tỉnh về họp đông lắm không thể kể tên hết được. Định những việc sau này :

Thỉnh sư-tổ Vĩnh-Nghiêm làm chánh trưởng ban Chứng-minh Đạo-sư.

Cử 4 vị sư tăng làm Cố-vấn chính thức trong ban Quản-trị và 4 vị dự-khuyết.

Bốn vị Cố-vấn chính-thức là :

1. Cụ Bình-vọng, Hà-dông.
2. Cụ Phúc-chính, Ninh-bình.
3. Cụ Thịnh, Hanoi.
4. Cụ Tế-cát, Hanam.

Bốn vị Cố-vấn dự khuyết là :

1. Cụ Cao-dã, Hanam ;
2. Cụ Trà-lũ-bắc, Nam-dịnh ;
3. Cụ Hương-tích, Hà-dông ;
4. Cụ Trùng-mai.

Việc xếp đặt chức vụ và thảo qui-tắc riêng trong ban Đạo-sư, cử các cụ sau này : cụ Phúc-chính, cụ Bình-vọng, cụ Tế-cát, cụ Trung-hậu, cụ Cao-dã và cụ Giang-xá, thảo rồi đem trình Hội-đồng quản-trị duyệt y.

Hội-đồng thỉnh mấy vị sư sau này vào ban Đạo-sư dự bàn bạc : Cụ Đàm-Tiến, Hanoi. Cụ Đàm-Thu, Hanoi. Cụ Đàm-Đạo, Hanoi. Cụ Đàm-Năm, Hà-dông. Cụ Đàm-Đoan, Bắc-ninh.

Còn ba vị sư cử vào ban Đạo-sư mà mắc bận không đến được : Cụ Đàm-Yến, Hà-dông. Cụ Đàm-Tĩnh, Bắc-ninh và cụ Đàm-Uần, Hà-dông.

Biên-bản số VII. — Ban Quản-trị và ban Đạo-sư họp kỳ hội - đồng ngày 14 Décembre 1934 do cụ Hội-trưởng Nguyễn-năng-Quốc chủ-tọa, công-đồng duyệt bản quy-tắc của ban Đạo-sư đã thảo đem trình.

Bản quy-tắc này do các Sư cụ trong xứ Bắc-kỳ hội họp ở chùa Quán-sứ Hanoi thảo nên. Trong qui-tắc, các vị tăng chúng suy-tôn Sư tổ Vĩnh-nghiêm làm « Thuyền-gia Pháp-chủ ». Và theo mệnh-lệnh người phân chức việc cho Chư-tăng như sau này :

1^o Ban Chứng-minh Đạo-sư thứ nhất — Ban này giữ việc diễn-giảng và có khi thay mặt cụ Pháp-chủ chứng-kiến các lễ.

2^o Ban Chứng-minh Đạo-sư thứ hai — Ban này diễn kinh, diễn giảng, kiểm kinh-diễn Phật-giáo.

3^o Ban cố-vấn thực-thụ.

4^o Ban Giáo-sư dạy tăng, ni học tại trường Phật-học của hội sau này.

5^o Ban Giám-viện kiêm Tri-tạng coi các việc trong chùa hội-quán và Tam-tạng kinh.

6^o Ban duy-na giữ trật-tự trong tăng-chúng.

7^o Ban Thư-ký phiên - dịch các bài diễn giảng của các Đạo-sư và của Chư-tăng, quốc-ngữ ra chữ nôm, hoặc chữ nôm ra quốc - ngữ, giữ các thư-tin và các giấy tờ trong tang-hội.

8^o Ban đương-gia trông nom chỉ-tiểu các việc trai lễ trong chùa hội-quán.

9^o Ban Ứng-cúng Trợ-niệm.

10^o Ban Hộ-giảng giảng kinh sách Phật cho thiện-tin nghe.

Cụ Chánh Hội-trưởng Nguyễn-năng-Quốc tuyên-đọc bản qui-tắc xong thì M. Trần-trọng-Kim nói : « Đây mới là chức việc, còn (lược). Các cụ nên đặt kỷ-luật trịng-trị cho rõ-ràng, nếu vị sư nào phạm kỷ-luật thì các cụ không nhận là người tu-hành nữa, và xin hội trình với Chính-phủ bắt hồi tục ».

Sư Cụ Phúc-chỉnh tỏ ý thuận lời bàn của M. Kim lăm.
Sư Cụ Kế cũng yêu cầu như thế.

Biên-bản số VIII. — Ban Quản-trị họp hội-dồng bất-thường ngày 6 Janvier 1935 do cụ Hội-trưởng Nguyễn Năng-Quốc chủ-tọa. Theo tờ triệu-tập của cụ Chánh hội-trưởng có ba vấn-đề giải-quyết là :

1° Việc nhận đơn xin vào hội.

2° Việc sửa một chỗ ở chùa Quán-sứ làm nơi Hội-dồng và phòng giấy.

3° Các việc linh-tinh.

Hội-dồng bàn xong các việc, thì ông Thành, ông Đông-Phổ và ông Lê-Toại xét số tiền vào hội rồi đem gửi Nhà Bàng Đông-Pháp 800 \$.

Ông Lê-văn-Phúc mua các sách ở Nam-kỳ giá là 20\$63, và giao các sách ấy cùng « facture » cho ông thư-ký biên vào sổ của hội.

Biên-bản số IX. — Ban sáng-lập họp kỳ hội-dồng ngày 16 Janvier 1935, do cụ Hội-trưởng Nguyễn Năng-Quốc chủ-tọa, bàn định các việc :

1° Duyệt-y biên-bản kỷ hội-dồng trước.

2° Nghe tờ trình của ban Khánh-tiết ngày 17 tháng 11 ta.

3° Đặt ban khảo-cứ Phật-học và giảng-diễn.

4° Đặt ban hộ-đạo và ban hộ-niệm.

5° Đặt ban công-tác để dự-định làm chùa.

6° Các việc linh-tinh.

Về việc đặt ban Khảo-cứ Phật-học, Hội-dồng cử M. Trần Trọng-Kim làm Ban trưởng và cử các ông sau này vào ban.

MM. Nguyễn Văn-Vĩnh, Trần Văn-Giáp, Lê-Dư, Nguyễn Hữu-Tiến, Nguyễn-can-Mộng, Dương-bá-Trạc, Bùi-Kỷ, Nguyễn-trọng-Thuật, Nguyễn-văn-Ngọc, Nguyễn-quang-Oánh, Nguyễn-văn-Tố, Lê-Toại, Nguyễn-đô-Mục, Trần-Lê-Nhân, Vũ-như-Trác, Nguyễn-huy-Xương.

Sau này các viên trong ban sẽ cử thêm các vị khác nữa để giúp vào cho đồng.

Về việc ban hộ-đạo giao ông Thành xem và cử những bà hội-viên vào làm việc cõ-động. Việc hộ-niệm cử ông Kha làm trưởng-ban đi phùng và đi độ-niệm.

Biên-bản số X. — Ban sáng lập họp ngày 17 tháng giêng năm 1935 do cụ hội-trưởng Nguyễn Năng-Quốc chủ-tọa, bàn những việc sau này :

1° Đặt ban Hộ-niệm, do ông Nguyễn hữu Kha làm Trưởng-ban.

2° Đặt ban Công-tác, để tìm đất và xây chùa cho hội. Hội-đồng định mời nhà kiến-trúc-sư Đào-trọng-Cương dự vào ban này.

3° Xin đất để làm nghĩa-trang của hội. Cụ Chánh Hội-trưởng viết giấy cho làng Thái-hà nhượng cho Hội một khu nghĩa-địa ở làng ấy, hội sẽ sửa-sang và làm miếu àm-hòn.

Biên-bản số XI. — Ban Quản-trị họp ngày 27 tháng giêng năm 1935 do cụ Hội-trưởng Nguyễn Năng-Quốc chủ-tọa bàn những việc sau này :

1° Duyệt-y biên-bản. Định rằng bản-thảo biên-bản khi đã được cụ Chánh-hội phú-chính lại, thì đem chép ngay vào sổ. Kỳ hội-đồng sau mang ra đọc, nếu có cần bổ-khuyết thì sẽ ghi vào biên-bản ấy.

2° Việc chi-tiêu của Sư ông chùa Quán-sư. Trước khi hội thành-lập. Sư ông chi-tiêu mất món tiền hai trăm ba mươi hai đồng bạc và năm hào một xu (232\$51), về việc sửa-sang chùa và mua đồ-đạc. Hội-đồng thuận hoàn-lại cho sư ông 232\$51, còn các đồ-đạc thì sẽ ghi vào sổ inventaire của Hội.

3° Việc nghĩa-trang, Hội-đồng cử mấy đại-biểu về đình làng Thái-hà để tiếp với đại-biểu làng ấy mà thảo tờ hợp-đồng.

4° Việc linh-linh. — a) Ông Trần-văn-Giác sáng-lập hội viên và làm chức kiểm-soát ở ban trị-sự của Hội, nay ông về Nam-kỳ. Hội-đồng thuận cử ông Nguyễn-văn-Can thay chức kiểm-soát.

b) Mỗi khi đại Hội-đồng nên phải có giấy mời các vị sư Cổ-vấn dự-hội.

Biên-bản số XII. — Ngày 17 tháng 2 năm 1935 do cụ Nguyễn Năng-Quốc chủ-tọa, bàn những việc sau này :

1° Hội-đồng công-nhận hai ngày sau này là ngày đại-lễ của Hội :

A. — Ngày 8 tháng 4 vừa là ngày vía đức Thích-ca vừa là ngày đại-hội-đồng thường-niên của hội.

B. — Ngày 17 tháng 11 vừa là ngày vía đức Di-đà vừa là ngày kỷ-niệm hội thành-lập, còn ngày 15 tháng 7 (tiết Vu-lan), thì hội sẽ đưa mười đồng bạc (10\$00) để sư ông đương-gia sắm hương hoa cúng Phật, các hội-viên quàng cổ và tràu nước để tiếp các hội-viên đến lễ Phật.

Còn đến những ngày thuyết-pháp thì định như sau này : Chư tăng thì thuyết-pháp vào ngày mồng một ; các cư-sĩ thì thuyết-pháp vào một ngày trong tháng (ngày ấy không nhất định).

2° Hội-đồng bầu một ban kiểm quỹ của hội, và họp các tín-lão lập ban Hộ đạo.

Sau cụ Chánh Hội-trưởng nói những việc hội định làm như sau này :

1° Làm một ngôi chùa rất lớn, để hội-viên đến lễ Phật nghe thuyết-pháp cho có chỗ ngồi.

2° Mở trường-học để dạy các sư và các Thiện-nam-Tin-nữ học cho biết cái chân-lý của đạo Phật.

3° Làm một cái bệnh-viện để các hội-viên đau yếu dưỡng bệnh và một cái phúc-đường để nuôi người tàn-tật.

4° Chăm-chước với làng Thái hà mà nhận cái nghĩa-địa.

Hội-viên đồng-thanh hoan-nghênh nhờ cụ Chánh Hội-trưởng nói.

Biên-bản số XIII. — Ngày 21 tháng 2 năm 1935 ban công-tác do cụ Hội-trưởng Nguyễn Năng-Quốc làm chủ tọa bàn những việc sau này :

1^o Làm một ngôi chùa ở ngay nền cũ chùa Quán-sứ, để kỷ-niệm hội Phật-giáo lúc ban đầu, vì cảnh này là nơi trung độ trong thành-phố.

2^o Cu Hội-trưởng yêu cầu đề cử Hội-viên sung vào hai tiêu ban: một ban chuyên việc vẽ kiêu làm chùa; một ban chuyên việc tìm khu đất rộng đến mười mẫu để sẽ làm ngôi chùa chính.

Biên-bản số XIV. — Ngày 3 tháng 3 năm 1935. Ban Hội-đồng quản-trị do cụ Hội-trưởng Nguyễn Năng-Quốc chủ tọa bàn việc sau này:

1^o Duyệt y biên-bản kỷ hội-đồng ngày 17 tháng 2 vừa rồi.

2^o Xét tờ trình của ban cố-vấn đạo-sư lập một ban học kinh tại chùa Bồ-dề. Hội-đồng định chi tiêu một trăm bạc (100 \$) dĩ-hạ, để sắm-sửa đồ dùng trong lớp học; lương một vị sư dạy học mỗi tháng sáu đồng (6 \$00); lương một vị cư-sỹ dạy học mỗi tháng là mười đồng (10 \$00).

3^o Việc linh-tính:

a) Việc nghĩa-địa ở Thái-hà có sự khó khăn, nên Hội-đồng bỏ.

b) Việc lên đồng ở trong chùa Hội-quán thì quyết định bỏ ngay.

c) Sổ chi thu ở trong chùa Hội-quán của sư ông Đương-gia, thì Hội-đồng xin các cụ Giám-viện cho chữ chứng kiến vào sổ ấy.

d) Tỉnh Hải-phòng và Kiến-an đã có nhiều hội-viên, thì Hội-đồng định lập đại-biểu theo như qui-tắc của hội.

e) Đọc tờ trả lời của quan Toàn-quyền Robin nhận làm danh-dự Hội-trưởng cho Hội-đồng nghe.

Biên-bản số XV. — Ngày 10 tháng 3 năm 1935.

Ban Công-tác do cụ Hội-trưởng Nguyễn Năng-Quốc chủ tọa, bàn những việc sau này:

1^o Chiếu theo bản-đồ chùa Quán-sứ sao ở sổ Địa-chính ra, thì đo được 3.409 thước vuông.

2° Ông Huỳnh-Hùng và ông Đào-trọng-Cương phác họa bản-đồ kiểu chùa có những nơi như sau này :

a) Một ngôi chùa thờ Phật ở giữa, trong chùa có đủ chỗ làm lễ và thuyết-pháp.

b) Một nhà thờ Hậu và Hội-viên quá cổ.

c) Một nhà để làm nơi Hội-đồng, làm phòng giấy và phòng tiếp khách.

d) Một nhà tăng phòng (các sư ở).

e) Một phòng dưỡng lão, vì có mấy Hội-viên muốn xin vào ở trong chùa của Hội và xin cúng vào Hội một số tiền.

Biên-bản số XVI. — Ngày 17 tháng 3 năm 1935.

Ban Hội-đồng quản-trị do cụ Hội-trưởng Nguyễn Năng-Quốc chủ tọa bản việc sau này :

1° Bổ khuyết trong điều lệ : Chủ-trì Hội-viên chỉ đóng tiền niên-liễm trong 30 năm thôi ; Thiện-tín hội-viên thì không hạn tuổi, bao nhiêu tuổi cũng vào được.

2° Lễ khánh-thành các ban đại-biểu ở Kiến-an, Hải-phòng và Hưng-yên. Cụ Chánh Hội-trưởng định rằng các ban đại-biểu các nơi sẽ được giữ một số tiền độ mười đồng bạc (10\$00) để chi-phi các việc, còn việc làm tràng-phan, bảo-cái, cờ hiệu và sổ sách, thì ban Quản-trị sắm gửi đi, để nơi nào cũng cùng một kiểu mẫu như nhau.

3° Cử ông Phó Thủ-quỹ thay hẳn ông Chánh Thủ-quỹ giữ hoàn toàn trách nhiệm, vì ông Chánh thủ-quỹ bận nhiều việc.

4° Tập kỹ-yếu. Định rằng ban khảo-cứu phiên-dịch sẽ xuất-bản tập kỹ-yếu của hội, mỗi tháng ra một lần.

5° Việc bảo-hộ các chùa. Có sư ông Đổ-trần-Bảo xin Hội bảo-hộ chùa An-linh (Ha-nam). Hội-đồng định chỉ khi nào xảy ra sự gì hại đến quyền-lợi của chùa, thì hội Phật-giáo mới can-thiệp đến.

6° Hội-đồng bằng lòng cấp cho ông Nguyễn-trọng-Thuật mỗi tháng hai mươi đồng (20\$00) để ông lưu-trú ở Hanoi mà làm Thư-ký cho ban khảo-cứu.

7° Hội-đồng định huy hiệu của Hội-viên sẽ làm một cái mây-day tròn, xung-quanh đề chữ « Phật-giáo-hội » chữ nhỏ và chữ quốc âm, giữa có một cái hoa sen nở.

Biên-bản số XVII. — Ban Quản-trị họp kỳ hội-đồng ngày 7 Avril 1935. Do cụ Hội-trưởng Nguyễn Năng-Quốc chủ-tọa, bàn những việc sau này :

1° Duyệt-y các sổ sách cùng các khoản chi thu trong tháng Mars 1935.

2° Bầu một ban trông coi các đồ đạc (conservateur des biens) ông Canh kiêm nhận chức ấy.

3° Thảo chương-trình làm chùa đề ngày 10 Mai 1935 này trình đại hội-đồng. — Ông Đào-trọng-Cường và ông Hoàng-Hùng có đem trình hội-đồng bản đồ mà hai ông Hòa-sư ấy đã vẽ giúp hội. Bản đồ khéo lắm, hội-đồng nhờ hai ông sửa lại vài chỗ.

4° Hội đã đặt đại-biểu ở tỉnh Hưng-yên, phủ Mỹ-hào, tỉnh Kiến-an, thành phố Hải-phòng. Sẽ lại đặt đại-biểu ở Hải-dương và Thái bình.

5° Hội-đồng định sắm thêm những phan, phướn và cờ đề dùng khi đưa đám các hội-viên quá-cổ. Hội-đồng ủy cho sư ông Dương-gia đi hỏi giá tiền các thứ ấy.

6° Cái huy hiệu (insigne) của hội, nhờ ông Lê-văn-Phúc vẽ mẫu để cụ Chánh-hội gửi sang Pháp thuê làm rồi phát cho các hội-viên đeo.

7° Hội-đồng phải sắm các vật dùng luôn, nên phải bầu một Commission d'achat và một Commission de Réception.

8° Sư ông Dương-gia xin với hội-đồng sắm mấy đèn đèn đồng để thay vào đèn đã hư hỏng đề trên Tam-bảo. Hội-đồng giao việc cho Commission d'achat thi-hành.

9° Sư ông Dương-gia trình hội-đồng các khoản chi thu trong chùa về tháng Mars 1935.

10° Hội-đồng giúp cho ban hộ-niệm tiền đề nuôi bọn đồng ấu, mua mấy thứ âm-nhạc và đào luyện cho bọn ấy thuộc các khoa lễ-bái âm-nhạc đề dùng việc hộ-niệm. Hội-đồng định sắm hai bộ mũ, áo cà-sa và tích-trượng đề chư sư dùng khi đi tiếp dẫn.

Biên-bản số XVIII. — Ngày 20 tháng 4 năm 1935.

Ban Hội-đồng Quản-trị do cụ Hội trưởng Nguyễn Năng-Quốc chủ tọa bàn việc sau này :

1° Nghi lễ hôm 10 Mai 1935 :

a) Cụ Hội trưởng đọc tờ trình của ban Quản-trị về tình-hình tài chính và các việc tiến hành của hội.

b) Ban Kiểm-quỹ đọc tờ trình của ban ấy.

c) Bàn về việc sửa đổi điều-lệ.

d) Việc linh-tinh : ngày via đức Phật-tổ, số tiền chi tiêu định là ba trăm (300\$00).

2° Duyệt biên-bản kỷ hội-đồng trước.

3° Việc xét quỹ của hội cùng các giấy má của Hội.

4° Công việc về Văn-phòng của cụ Chánh Hội-trưởng rất nặng. Hội-đồng thuận y cho cụ Hội-trưởng tự ý tuyển lấy viên Thư-ký giữ việc văn-thư hàng ngày, lương mỗi tháng là mười lăm đồng bạc (15\$00). Ông Phan-văn-Kế sung chức ấy.

5° Mấy nhà kiến trúc trình họa-đồ chùa mới, hội-đồng lấy làm vừa ý, nhưng định thêm vào hai cái tháp.

Biên-bản số XIX. — Ngày 27 tháng 4 năm 1935.

Ban khánh-tiết do cụ Hội trưởng Nguyễn Năng-Quốc chủ tọa bàn những việc ngày lễ khánh-dân đức Thích ca :

Ngày mồng 7 :

7h tối ban Hộ-niệm hóa nhạc dâng cúng.

8h tối chư tăng và các hội viên lên khóa lễ.

Ngày mồng 8 :

8h sáng chư tăng lên tụng kinh.

12h1 2 lập đại hội-đồng thường niên.

1h chiều lên tuần đại-cúng: a) Khoa cúng Phật. — b) Dâng lục-cúng. — c) Đọc sớ. — d) Ban đồng-tử hát những bài tán tụng công-đức Phật và đốt pháo.

8h tối diễn-thuyết (Diễn-giả là ông cử Dương-bá-Trạc).

NHỮNG HỘI-VIÊN QUÁ-CỔ

Những vị Hội-viên quá cổ ghi tên sau này, bản hội đều đã đến phúng và ban Hội-niệm của hội đều đã cử - hành lễ tiếp - dẫn tày qui, khi tổng chung. Lại đều đã làm lễ từ - cữu siêu - độ và hiện thờ linh vị tại chùa Hội - quán :

Chủ-tri Hội-viên, ông Nguyễn-duy-Nho, Buôn bán, 49 tuổi, ở 32, Route de Sinh-tử, Hanoi, mất hôm mồng một tháng Chạp năm Giáp-tuất ;

— bà Xuân-thị-Phức hiệu Diệu Hương 66 tuổi, ở 29, Ruelle Nam-ngư, Hanoi, mất hôm mồng bốn tháng Giêng năm Ất-hợi (7-2-1935) ;

— bà Phan-thị-Hai, 43 tuổi, ở 32, phố Hàng Bướm Hanoi, mất hôm 15 tháng Giêng năm Ất-hợi (18-2-1935) ;

— bà Đào-thị-Xen (tức Hàn Hanh) 48 tuổi, ở 83, Rue Henri d'Orléans. Hanoi, mất hôm 6 tháng 2 Annam năm Ất-hợi (10-3-1935) ;

— bà Phạm - thị - Khai, 70 tuổi. Bijouterie Quảng-tiến, ở 14^{bis}, phố Hàng Bạc, Hanoi, mất hôm 7 tháng 2 năm Ất-hợi (11-3-1935) ;

— bà Trần-thị-Thúc, 77 tuổi, ở 207, phố Đinh-tả, Nam-định, mất hôm 16 tháng 2 năm Ất-hợi (20-3-1935) ;

— bà Nguyễn-thị-Đẹt, hiệu diệu Văn, 56 tuổi, ở làng Hoàng-mai, Hà-dông, mất hôm 23 tháng 2 năm Ất-hợi (27-3-1935) ;

— bà Lý-thị-Chinh, ở n^o 5, Rue Feit s'hamel, Hanoi, mất hôm 19 tháng 3 năm Ất-hợi (21-4-1935).

PHẬT GIAO HỘI

Association Bouddhique



Tuần báo



ĐUỐC-TUỆ

RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quyển, phố Richaud - Hanoi

慧 燦 報

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN-NĂNG-QUỐC

Chánh hội trưởng hội Phật-Giáo

QUẢN LÝ

CUNG-ĐÌNH-BÍNH

CHÁNH CHỦ BỨT

PHAN-TRUNG-THỦ

Sư cụ chùa Bằng-Sở

PHÓ CHỦ BỨT

DƯƠNG-VĂN-HIỀN

Sư cụ chùa Tề-Gát



Á BẢO :

M : 0 \$ 50 - MỖI SỐ : 0 \$ 03

CHÁNH ĐẠI BIỂU HỘI PHẬT-GIÁO
QUỐC.

Cung-Đình-Bính quản lý

Sở phố Richaud Hanoi.

Kính cáo thập phu'ong giáo-hũ'u

Như bài lai cáo các báo đăng trước, hội Phật-Giáo định đến ngày 16, 17, 18 tháng một ta làm lễ suy-tôn Cụ Tò Vinh-Nghiêm lên vị Thuyền-gia-pháp-chủ, nhưng vì Thánh-cung mới băng-hà, từ cung hũy còn ở Đại-nội, chưa cử hành lễ Ninh-lang, lễ suy tôn là một lễ có tính cách vui mừng, nên hội định hoãn lễ suy tôn đến ngày khác.

Tuy vậy, đến ngày ấy, tại hội quán, cũng làm lễ Khánh-dân đức Phật Di-Đà và lễ kỷ-niệm đệ nhất chu-niên hội Phật-Giáo theo như chương-trình đã đăng trên các báo-chương.

Vậy xin có lời kính-cáo đề thập phương giáo hũu được biết.

CHƯƠNG TRÌNH NGÀY HỘI KHÁNH-ĐÀN VÀ .Y-NIỆM

Ngày 16 tháng 11 ta (11 Décembre 1935)

11 giờ đến 12 giờ chư tăng lên lễ Phật,
6 giờ chiều ban Đồng-tử làm lễ tụng «Tứ thập bát nguyện»
8 giờ tối ông Nguyễn-hữ-Kha diễn-thuyết,

Ngày 17 tháng 11 ta (12 Décembre 1935)

8 giờ sáng chư tăng lên lễ Phật,
11 giờ tất cả chư tăng lên lễ Phật,
1 giờ đến 2 giờ rưỡi chiều ban Đồng Nữ vào khóa lễ tá
Phật và tụng 48 điều nguyện của đức A-di-Đà.
7 giờ tối ban Hội-niệm làm một khóa lễ riêng để kỷ-niệm
8 giờ rưỡi tối chư tăng lên khóa tụng,

Ngày 18 tháng 11 ta (13 Décembre 1935)

11 giờ trưa Cụ Tò Vinh-Nghiêm mặc áo sa đàn lên cụ
Phật cùng các Đại-biêu các Sơn-môn.
6 giờ chiều Tò Vinh-Nghiêm cho thiện tín vào qui Ph
7 giờ tối ban Đồng-nữ làm lễ (do ban
8 giờ rưỡi tối Cụ Tò Vinh-Ng

Vậy xin mời thập phương
cho đông đủ, — xin mang
đeo huy hiệu (insigne)

BÁO ĐUỐC-TUỆ

RA NGÀY THỨ BA

**Vì sao mà hội “Phật-giáo
Bắc-kỳ” sáng lập?**

**Vì sao mà báo *Duốc-Tuệ*
ra đời?**

LOÀI người phải có ăn mới sống, cũng phải có tôn-giáo mới sống được hoàn toàn. Cái sinh-mệnh nhục-thể sống về ăn, mà cái sinh-mệnh tinh-thần về tôn-giáo.

Người ta với sự khổ vì lửa cơ đốt ruột thì cơm gạo có thể tắt được liền, với sự khổ vì giao lạnh cắt da thì vải lụa có thể lạnh ngay hẳn, nhưng còn với sự khổ cứ bần-khoăn bứt dứt thâu ngày suốt tháng về nỗi sống không mục-dịch, chết không y qui thì trừ tôn-giáo ra còn có cái gì vờ-về yên ủi được.

Ấy là nói riêng về từng người một; lại đến cái chỗ người ta quần cư tụ xứ với nhau trong một xã-hội, một quốc-gia, tất phải cùng nhau thân ái, cùng nhau hóa thuận, cùng nhau giúp đỡ, có nhân

nghĩa lễ tin đối đãi cùng nhau thì xã-hội mới khỏi tan-tành, quốc-gia mới khỏi rời-rã. Chính-trị pháp luật chỉ có thể ngăn cản điều ác của người ta ở nơi thanh-thiên bạch nhật, mà khó sao cấm chấp được ở nơi ám-thất u-phòng. Giáo-dục chỉ có thể đào luyện người ta về đường kỹ-thuật tài năng, mà khó sao hun đúc được về đường tâm-tư đức-hạnh. Từ xưa đến nay, từ đông qua tây, dầu dầu cũng nhờ tôn-giáo mà người ta mới hạn chế được những điều tham dục, gìn giữ được những điều luân-lý, mới tổ-chức nên được cái quốc-gia, cái xã-hội có tinh nghị, có kỹ-luật, có trật-tự, có sự yên-ổn vững bền.

Nếu thế-giới loài người còn chưa đến được cái thời-kỳ dân-trí hết thầy khai thông, dân-đức hết thầy cao-lượng, người ta còn chưa phải ai ai cũng đều là đại-thành đại-triết, ai ai cũng cứ dục y nhân như thánh Khổng-tử, cũng từ bi hỉ xả như phật Thích-ca thì còn phải cần tôn-giáo mãi.

Tôn-giáo đối với loài người quan-hệ như thế; mà mỗi một dân-tộc thường lại có một tôn-giáo riêng. Hình như vì thủy thổ, vì khí hậu, vì sự biến thiên trên lịch-sử, cái tính tình phong tục của từng dân-tộc có cái chỗ đặc biệt với các dân-tộc khác nó ưa chịu một cái tôn-giáo nào thích hợp với nó hơn, thì khi có cái tôn-giáo ấy sáng lập ra hay truyền bá tới, người ta theo như nước chảy, cứ một ngày một bành-trướng một bền chặt thêm.

Có lẽ Phật-giáo chính là cái tôn-giáo thích hợp với dân-tộc mình, nên tự hơn một ngàn năm trước, chỉ có một vị cao-tăng Ấn-độ bước châu

đến đất Bắc-kỳ minh, một vị nâu xồng lam-lư; lưu-lạc tha-phương, chẳng phải có của tiền thế lực gì, duy có cái đạo pháp đem truyền bảo vào trong tai mắt mới lạ của một dân khác nước khác nói mà có người theo, có người tin, rồi từ đấy về sau Phật-giáo lưu-hành trong xứ mình cứ càng ngày càng lan rộng. Cho đến các đời Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn, chùa chiền khắp trong nước, tăng-ni kẻ hàng muôn; chẳng những dân thường, mà cả đến vua chúa vương hầu cũng nhiều người xuất gia dầu Phật; chẳng những người vô học, mà cả đến danh-nhân kiệt-sĩ cũng nhiều người thể phát di tu. Cứ xem chuyện Trúc lâm tam-tổ và những liệt truyện cao-tăng trong quốc-sử mình, lại bất-kỳ đến nơi nào cũng thấy ngay có một cảnh chùa rộng rãi thanh-u cùng mấy ngôi tháp nguy nga đột ngột thì đủ biết Phật-giáo ở nước mình đã trải qua một thời-kỳ toàn thịnh và thật là phổ-cập ở chốn dân-gian.

Mà ngắm lại, cái ảnh-hưởng Phật-giáo trong nước mình quả sâu xa rộng lớn thật: Chính đương lúc đời Lý, đời Trần là lúc Phật-giáo đại thịnh thì văn-trị võ-công của mình lúc ấy cũng thật là hiển-hách, quốc-vận mình lúc ấy cũng thật là xương-long vững chãi, quốc-dân mình lúc ấy cũng thật là vui-vẻ thái-bình. Những bậc minh-quân lương tướng như vua Lý-thái-tổ, vua Trần-nhân-tôn, ông Tô-hiến-Thành, ông Trần-quốc-Tuấn v. v. đều là người có thâm đắc Phật-học cả. Cho đến luân lý phong-tục trong dân phần nhiều cũng gốc từ Phật-giáo mà gây dựng được nên, duy trì được vững. Những tiếng nghiệp-báo luân-hồi, thiện-ác

nhân-quả luôn luôn ở cửa miệng ông già, bà lão, chị thợ cấy, anh trai cày. Thường thấy có kẻ đầu trộm đuôi cướp, gạt đầu lường thưng mà cũng còn biết hồi tâm hướng đạo, ăn hiền ở lành lại đề mong chuộc cái tội ác đã chót phạm từ xưa. Thật cái công dụng Phật-giáo đối với dân-tộc mình, quan-hệ không phải là nhỏ vậy.

Chẳng may cho dân-tộc mình, tự Lê trở về sau, triều-dinh đặt ra khoa cử để thủ sĩ, chỉ chuyên-trọng về một mặt kỹ-tụng từ-chương. Những người thông-minh tài-tuấn muốn chiếm được một địa-vị cao sang trong xã-hội, đều phải vùi đầu cắm cổ vào con đường cử-nghiệp, chẳng ai còn có thì-giờ tâm lực lý-hội đến cái giáo-lý tinh-diệu mà những thành-quán hiền-thần danh-nhân kiệt-sĩ mình đời trước đã xiển-phát tuyên-dương; ngọn đuốc tuệ của đức Như-Lai không thấy chói rọi ở góc trời Nam như trước nữa. Tuy Phật-giáo vẫn là một tôn-giáo thích-hợp với dân-tộc mình mà là một tôn-giáo tối cổ ở nước mình, chùa chiền cũng vẫn còn khắp trong nước, tăng ni cũng vẫn còn kẻ háng muòn, thiện-nam tín-nữ trong dân cũng vẫn còn ngày ngày đi chùa, ngày ngày niệm Phật, mà giáo-lý Phật ít có người thông hiểu, kinh-diễn Phật ít có người diễn giải, người ta ít biết được đường sáng mà đi, thấy được đường tối mà tránh. Đến nỗi đạo-đức ngày càng suy-dồi, phong-tục ngày càng điêu bạc, những cái thãm-họa tương-nghi, tương-ky, tương-khí, tương-biến, tương-khuynh, tương-loát, tương-tàn, tương-tặc, gia-dinh nghiêng-ngửa, xã-hội đảo-diễn, xảy ra hàng ngày,

ai cũng phải tỏm, phải ghê, phải kinh, phải khiếp. Hội Phật-Giáo chính vì muốn hiển-dương đạo Phật để cứu vớt cái nguy-cơ ấy mà sáng-lập nên, nhóm họp nhau ở dưới bóng mây từ cả bên tăng ni bên thi-tín-tín; khuyên nhủ nhau, đốc trách nhau hiểu đạo Phật cho rành, làm đạo Phật cho đúng để tự độ mà độ người; liên-lạc với các hội Phật-Giáo Trung, Nam-kỳ, cùng gốc một lòng, trông một đạo vào cái sự-nghiệp chấn-hưng Phật-giáo. Ấy cái mục-dịch hội « Phật-Giáo Bắc-Kỳ » là thế.

Nay phải có cái phương-trâm nhất-dịnh mà đi cho tới cái mục-dịch của mình. Như trên đã nói, cái mục-dịch hội là cốt khuyên nhủ nhau, đốc trách nhau hiểu đạo Phật cho rành, làm đạo Phật cho đúng để tự độ mà độ người. Vậy làm thế nào mà hiểu được đạo cho rành, làm được đạo cho đúng bây giờ? Lẽ tất-nhiên là phải tìm ở trong những kinh-diễn về Phật-giáo mà siêng-phát tuyên-dương ra. Nhưng các kinh-diễn về Phật-giáo sâu như bể, rộng như rừng, không phải dễ-dàng mà linh-ngộ được. Và những kinh-diễn ấy vốn là chữ Phạm mà dịch ra chữ nho; bây giờ chữ nho ngày càng ít người học, ít người thông thì làm sao mà nghiên-cứu những kinh-diễn về Phật-giáo bằng chữ nho được. Báo « Đuốc-Tuệ » chính là đề-ứng-phó với sự-nhu-cần đó.

Báo « Đuốc-Tuệ » sẽ đem những kinh-diễn về Phật-giáo mà dần dần giảng diễn, dịch thuật hết ra quốc-ngữ một cách rất minh-bạch tỏ tường.

Chúng ta sẽ được nhờ ngọn đuốc-tuệ của đức Như-Lai, dẫn lối mở đường cho chúng ta bỏ tà qui-chính, bỏ ác làm lành, bỏ khổ tới vui, bỏ tội tới phúc.

Bến mê man-mác, có đuốc tuệ thì bờ giác không xa.

Bề khổ mênh-mông, có đuốc tuệ thì bẻ từ khỏi lạc.

Hỡi anh em chị em tin-dồ nhà Phật ta ơi!

Ai muốn gây thiện-nghiệp để cầu thiện-báo về sau, nên chăm xem « Đuốc-Tuệ ».

Ai muốn thoát ra vòng phiền não, tìm tới chỗ yên vui, nên chăm xem « Đuốc-Tuệ ».

Ai muốn tiêu trừ oan-nghiệt, hưởng thụ phúc duyên, nên chăm xem « Đuốc-Tuệ ».

Minh chăm xem « Đuốc-Tuệ » lại khuyên đủ người chăm xem « Đuốc-Tuệ », như thế tức là tận giác giác tha.

Có một ngày kia ngọn đuốc-tuệ quang-minh rực rỡ, chiếu khắp gần xa, soi tâm mở trí cho cả mười mấy triệu quốc-dân tin-dồ nhà Phật chúng ta hóa ngu ra minh, hóa tham ra thanh, hóa dữ ra lành, hóa yếu ra mạnh, hóa lười biếng ra kiên-nhẫn, hóa thoái-khiếp ra tinh-tiến thì thật là cái hạnh-phúc hăng-hà sa-số cho dân mình nước mình vậy.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC



SU' TÍCH DỨC PHẬT

A-DI-ĐÀ (Amita)

阿彌陀佛

Đức A-di-đà là một vị Phật do Đức Giáo-chủ Thích-ca Mâu-ni thuyết-pháp nói ra để dạy cho chúng-sinh cõi Sa-bà biết tới một đấng đạo-sur ở cõi Cực-lạc hằng sẵn lòng tiếp dẫn chúng-sinh về nơi thế-giới của Ngài.

A-di-đà là tiếng Phạm: « A » tức ta nói là « vô » « không », « di-đà » là « lượng ». Vậy « A-di-đà » tức là « vô-lượng » nghĩa là Ngài là một đấng Phật có ba đức tính vô-lượng, là: Vô-lượng-thọ 無量壽 sống lâu vô cùng (Amitayus), vô-lượng-quang 無量光 sáng-lãng vô cùng (Amitabha), và vô-lượng-cam-lộ 無量甘露 (Amita). nước Cam-lộ là thứ nước rất ngon-ngọt, mát-mẻ, ò-dưỡng về tâm-hồn và về thể-chất vô-cùng, cho nên trong kinh có chỗ gọi đức Phật A-di-đà là Cam-lộ vương 甘露王 (vua Cam-lộ).

Xem trong các kinh nói về sự nhân-quả của đức Phật A-di-đà thành đạo thì có bốn thuyết khác nhau, nhưng duy có thuyết ở kinh Bi-hoa 悲華 là thông-hành rộng hơn; thuyết này có giải-thích kiên cả đến hai vị Bồ-tát là Quan-thế-âm 觀世音 và Đại-Thế-Chi 大世至 là hai vị chầu chực bên Đức Phật A-di-đà mà giúp việc hóa-dộ và tiếp-dẫn chúng-sinh cho Ngài. Vậy dưới đây diễn theo về kinh Bi-hoa. Trong kinh Bi-hoa nói rằng:

Thừa đời kiếp xưa kia, tính số từ A-tăng-kỳ, thì đến quá cái số cát sông Hằng-hà bấy giờ có một cõi thế-giới gọi là cõi San-dề-lam 刪提嵐, kiếp ấy gọi là kiếp Thiện-tri 善持, ở đấy có một ông vua Chuyển-luân-vương hiệu là Vô-tranh-niệm 無諍念 (không nghĩ chi sự tranh hán). Vua có người con tên gọi là Bảo-tạng 寶藏 xuất-gia đi tu, thành ngôi chính-giác được hiệu là Bảo-tạng Như-lai.

Bảo-tạng Như-lai vì Chuyển-luân-vương giảng về chính-pháp rất là rộng-rãi hoàn-toàn. Vương rất lấy làm vui mừng và ngưỡng-mộ Như-lai cùng các Thánh-chúng một cách thực là khát-khao lắm. Vương cùng-dàng Như-lai, các Thánh-chúng ba tháng. Vương có một nghìn người con, con trưởng tên là Bất-Tuần 不駒, con thứ hai tên là Ni-ma 尼摩 và cả nghìn người con của Vương cũng đều cùng-dàng Phật Thánh ngoại 250 năm. Vương khuyên được vua Phạm-vương và quan Tể-lương của Ngải là Bắc-hải, rồi nghìn người con của Ngải và vô-lượng chúng-sinh đều phát bồ-đề tâm.

Bấy giờ Đức Bảo-tạng Như-lai bèn vào ngồi chính-định mà phóng hào-quang rất lớn-lao, sáng-láng rõ-ràng, hiện lên đủ mười phương thế-giới cho Vương xem. Trong mười phương thế-giới ấy, có chỗ thế-giới thì đủ năm sự ô-trọc, tệ-ác, có chỗ thế-giới thì thật là trong sạch, nhiệm-mầu.

Wương thấy thế mới bạch với Phật rằng : Các đấng Bồ-tát, đấng thì vì nghiệp-duyên gì mà chứng được chỗ thế-giới thanh-tịnh như thế kia, lại đấng thì vì nghiệp-duyên gì mà chứng phải chỗ thế-giới bất-tịnh như thế này ?

Phật nói : « Đó là do ở nguyên-lực của các đấng Bồ-tát, có đấng thì nguyện ở cõi thanh-tịnh, lia dứt hết mọi sự xấu xa của ngũ-trọc, lại có đấng thì nguyện cứ ở đời ngũ-trọc xấu xa này. »

Wương nói : « Tôi xin chân-thực hành-đạo Bồ-đề, nguyện không ở cõi đất nào của Phật mà cõi ấy không được sạch-sẽ. Tôi xin phát-nguyện, nguyện lúc tôi thành đạo được ở cõi thế-giới không còn có địa-ngục, ngã-qui và súc-sinh. Chúng-sinh ở đây mình đều sắc-kim-quang hết thấy, đều chỉ hóa sinh ra một lần, thọ mệnh vô cùng. Thế-giới ấy rất là sạch-sẽ, không có cái gì sù-uế. Còn ở những cái đất khác của Phật, nếu có chúng-sinh nào nghe thấy tên tôi, mà tu mọi điều thiện và nguyện sinh sang thế-giới của tôi, thì tôi nguyện cho chúng tôi khi mệnh-chung, trừ những kẻ phạm tội ngũ-nghịch 五逆, tội rêm-chê các đấng Thánh-nhân, tội phá hoại cả phép chính-ra, thì đều được sinh sang ở đây ngay. »

Chuyên-luân-vương phát đại-nguyện như thế rồi, bèn xin Phật thụ-ký cho. Phật tức thì bảo cho Vương biết rằng: « Vương sẽ được sang phương tây chỗ cách trăm nghìn vạn ức cõi đất này, ở đấy có thế-giới của đức Tôn - âm - vương Như - lai 尊音王如來, sạch-sẽ, trang-nghiêm, hết thảy đều như lời Đại-vương đã phát-nguyện. Đại-vương đã phát-nguyện như thế sẽ được cái tên là « Vô-lượng thanh - tịnh ». Sau khi đức Phật ở đấy vào cõi diệt-độ rồi, có đức Phật nữa xuất-hiện ra rồi lại nhập diệt đi, trải qua quá a-tăng kỳ kiếp nhiều như cát sông Hằng, lại sang kiếp a-tăng-kỳ thứ hai nữa, lúc bấy giờ thế-giới ở đấy thay tên là cõi An-lạc 安樂, mà Đại-vương bấy giờ thì thành Phật, hiệu là Vô-lượng-thọ Như-lai ».

Người con thứ nhất của Chuyên-luân-vương là Bất-tuần Thái-tử cũng phát lời nguyện đại-bi. Phật liền thụ-ký cho biết sẽ được sinh sang cõi An-lạc của đức Phật A-di-đà và được hiệu là « Quan-thế-âm ».

Người con thứ hai là Ni-ma Thái-tử cũng phát ra những lời nguyện có đại-thế-lực, Phật cũng liền bảo cho biết sẽ được sang cõi thế-giới An-lạc lớn-lao ấy của đức A-di-đà và được hiệu là « Đại-thế-chi ».

Kinh Bi-hoa nói về nhân và địa của đức A-di-đà là như thế. Còn kinh « Phật-thuyết A-di-đà » thì chỉ nói những cảnh-trí của nước Cực-lạc rất là trang-nghiêm, tốt-đẹp, vui-thú, nhân-dân sung-sướng vô-cùng, và đức Phật A-di-đà hiện đương thuyết-pháp để giáo-hóa cho nhân-dân ở đấy, chứ không nói đến nhân và địa của đức Phật A-di-đà.

Đức Thích-ca nói trong kinh « Phật-thuyết A-di-đà » đại-khải rằng: « Từ đây sang phương tây qua mười vạn ức cõi đất của Phật, đấy có cõi thế giới gọi là Cực-lạc, trong có đức Phật A-di-đà hiện nay đang thuyết-pháp để giáo-hóa cho chúng-sinh ở đấy. Vì chúng-sinh ở trong thế-giới ấy không có mọi sự khổ mà chỉ hưởng mọi sự vui, nên gọi là Cực-lạc ».

Trong đất nước Cực-lạc, từ lầu gác, đường xá, ao sen cho đến cầu-lơn, hàng dao, cây cội đèn hằng các thứ vàng

bạc, lư-ly, pha-lê, sà-cừ, hồ-phách cùng đủ mọi giống châu-lầu khác làm thành ra.

Ao nở hoa sen, mỗi bông to như cái bánh xe. đủ các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, mỗi sắc có một ánh sáng đồng sắc chiếu ra tốt-đẹp, thơm-tho một cách nhiệm-mầu.

Cõi cực-lạc thường có những khúc thiên-nhạc, suốt ngày đêm mưa giải rắc xuống thuần một thứ hoa mạn-đà-là (1). Chim thì có đủ giống lông đẹp tiếng hay, như hạc trắng, công, vẹt, chim xá-lị (2), chim ca-lăng-tần-già (3) vân vân.

Ngày đêm sáu giờ, những giọng chim ấy hát ra những tiếng hòa-nhã, vui-vẻ, thuộc về những vận-diệu như « *ngũ-căn 五根, ngũ-lực 五力, thất-bồ-đề-phân 七菩提分, bát-thánh-đạo-phân 八聖道分* ».

Đức Phật ấy với nhân-dân ở đấy đều trang-thọ vô-lượng, vô-biên a-tăng-kỳ-kiếp.

Chúng sinh ở đâu biết tu thiện-căn phúc-đức và phát-nguyện sau sẽ sinh sang nước Cực-lạc cho được cùng những người đã tu đầy thiện-căn phúc-đức ở đấy, cùng đội ơn giao-hóa của đức A-di-đà, mà hưởng phúc khoái-lạc đời đời, thì lúc lâm-chung, đức A-di-đà tức-thì cùng các đấng thánh-chúng tới nơi tiếp-dẫn về cõi Cực-lạc của ngài ngay.

Đó là kinh «Phật thuyết A-di-đà» nói về kiếp hiện tại của đức A-di-đà và nước Cực-lạc là như thế. Còn đức A-di-đà phát-nguyện bốn-mươi tám điều để độ khắp cho chúng-sinh thì chép ở trong kinh «Vô-lượng-thọ» thường gọi là «tứ-thập-bát-đại-nguyện 四十八大願».

Trong bốn-mươi tám điều nguyện ấy, điều nào Ngài cũng phát-nguyện một cách quả quyết, là hễ khi Ngài thành Phật mà nhân-dân trong nước Ngài còn ai chưa được như lời Ngài đã nguyện, thì Ngài không chứng đạo

(1) Thứ hoa rất thơm qui ở nước Phật.

(2-3) Hai giống chim tiếng hát rất hay ở nước Phật.

chính-giác vội. Nay lược đại-ý 48 điều đại-nguyện ấy như sau này cho dễ hiểu :

- 1) Trong nước không có địa-ngục, ngã-quỷ và súc-sinh.
- 2) Người trong nước không ai lại còn bị sinh vào ba ác-đao tức là địa-ngục, ngã-quỷ và súc-sinh.
- 3) Người trong nước đều được toàn-thân sắc kim-quang cả.
- 4) Hình sắc người trong nước không còn có ai đẹp ai xấu nữa.
- 5) Người trong nước sinh ra đều nhớ biết được túc-mệnh của mình.
- 6) Người trong nước đều được có mắt thần thông trông suốt hết thấy mọi nơi.
- 7) Người trong nước đều được có tai thần-thông nghe thấu biết hết thấy mọi sự.
- 8) Người trong nước ai cũng hiểu biết được tâm-niệm của kẻ khác.
- 9) Người trong nước đều được có chân thần-thông bay tới hết thấy mọi chốn.
- 10) Người trong nước không có ai chỉ nghĩ riêng về việc của một thân mình.
- 11) Người trong nước đều giữ được tâm chính-dịnh và tới cõi nát-bàn.
- 12) Người trong nước, những kẻ quang-minh có hạn đều được thêm xuất sáng vô-cùng.
- 13) Những kẻ thọ-mệnh có hạn đều được sống lâu vô cùng.
- 14) Trong nước những hạng Thanh-văn nhiều vô số.
- 15) Người trong nước muốn cầu thọ-mệnh của mình dài hay ngắn đều tùy ý mình.
- 16) Người trong nước không ai là không được có tiếng khen tốt.
- 17) Chư Phật ở khắp mười phương đều khen ngợi Ngài.

- 18) Chúng-sinh ở khắp mười phương đều nguyện được sinh ở nước Ngái.
- 19) Chúng-sinh ở khắp mười phương đã phát bồ-đề tâm Ngái đều tiếp dẫn.
- 20) Chúng-sinh ở khắp mười phương nghe danh-hiệu Ngái, nguyện sinh về nước Ngái, Ngái đều độ cho.
- 21) Người trong nước Ngái đều được đủ 32 tướng đẹp.
- 22) Các đấng Bồ-tát ở các cõi đất của chư Phật về mọi phương khác đều về nước Ngái thành Phật.
- 23) Các đấng Bồ-tát trong nước Ngái đều có thần-lực để đi cúng-dâng chư Phật các nơi.
- 24) Các đấng Bồ-tát trong nước muốn có khí dụng gì đều được như-ý.
- 25) Các đấng Bồ-tát trong nước đều đem mọi tri tuệ mà điễn thuyết ra được.
- 26) Các đấng Bồ-tát trong nước đều được có thân kim-cương.
- 27) Người trong nước và hết thủy vật đều lốt tươi, đẹp đẽ, sạch-sẽ, khéo-léo lạ thường.
- 28) Các đấng Bồ-tát trong nước đều được trông thấy cây đạo-thụ cao lớn vô cùng.
- 29) Các đấng Bồ-tát trong nước tụng đọc kinh sách đều được có tài biện luận.
- 30) Trong nước những đấng Bồ-tát có tri-tuệ và tài hùng-biện nhiều không có hạn lượng nào.
- 31) Cõi đất trong nước sạch bóng soi thấy khắp mọi phương.
- 32) Cõi đất trong nước, từ mặt đất cho đến không-trung, lâu dài, vườn ao, cây cỏ đều là ngọc quý, hương thơm, trang-nghiêm hơn cả ở cõi giới.
- 33) Chúng-sinh khắp mười phương cõi Phật khác đều nhờ ánh quang-minh của Ngái soi tới.
- 34) Chúng-sinh ở khắp mười phương cõi Phật khác, nghe tên hiệu Ngái đều thành Bồ-tát.

- 35) Bao nhiêu nữ-nhân ở khắp mười phương cõi Phật nghe tên hiệu Phật mà phát tâm Bồ-đề thì sau đều thoát khỏi thân nữ-tướng.
- 36) Các đấng Bồ-tát ở khắp mười phương cõi Phật nghe danh-hiệu Ngài mà tự tu-trì phạm-hạnh thì đều được thành Phật.
- 37) Nhân-dân ở các cõi mười phương thế-giới Phật, nghe danh-hiệu Ngài mà vui mừng tin theo thì đều được người ta tôn-kính.
- 38) Người trong nước muốn áo quần gì cũng được ngay.
- 39) Người trong nước đều được sung sướng như bậc Tỉ-khâu lậu-tận.
- 40) Các đấng Bồ-tát trong nước tùy-ý muốn trông thấy cõi Phật ở đâu cũng được trông thấy ngay.
- 41) Các đấng Bồ-tát ở mọi cõi nước khác nghe tên hiệu Ngài đều được thành Phật đủ cả mọi cõi.
- 42) Các đấng Bồ-tát ở các cõi Phật, nghe danh-hiệu Ngài đều được thanh-tịnh giải-thoát.
- 43) Các đấng Bồ-tát ở các cõi Phật khác nghe danh-hiệu Ngài sau đều được sinh vào nhà tôn-qui.
- 44) Các đấng Bồ-tát ở các cõi Phật khác nghe danh-hiệu Ngài đều vui mừng mà tu đủ đức-hạnh.
- 45) Các đấng Bồ-tát ở các cõi Phật khác nghe danh-hiệu Ngài đều được phép tam-muội (chính-định).
- 46) Các đấng Bồ-tát trong nước Ngài muốn nghe giảng về phép gì là được nghe ngay.
- 47) Các đấng Bồ-tát ở cõi nước khác nghe danh-hiệu Ngài đều được tới một cái bậc không bao giờ thoái-chuyển nữa.
- 48) Các đấng Bồ-tát ở cõi nước khác nghe danh-hiệu Ngài đều tu chọn- vẹn được mọi phép « nhẫn ».

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT

NHỮNG ÁNG QUỐC-VĂN CỔ TRONG PHẬT HỌC

Chúng tôi có sưu tập được những bài quốc-văn có giá-trị trong Phật học của các bậc cao tăng hiền-sĩ đời trước soạn thuật ra, xin chú giải cẩn-thận, lục đăng dần ra đây, tiếc rằng có bài chưa tra rõ được lên họ và thời đại của tác-giả. Xin các bậc bác nhũ ai biết đích xác sẽ chỉ giùm cho.

Trích trong kinh nhật tụng, mục hành trì tập yếu
(bản khắc ở chùa Vĩnh-khánh, huyện Chi-linh, tỉnh Hải-dương)

Cảnh sách

Nhớ xưa nhời Phật dạy rằng :
Mạnh người chẳng vững vì bằng thở hơi.
Xuân xanh phút cũng qua đời,
Nửa là luống tuổi, há người trăm năm.
Trong kinh Phật nói chẳng lầm,
Ai ai xem lấy giữ cầm mà tu.
Ngẫm xem một mảnh hình-khu,
Trong bao nhiêu bản ngoài phở tốt lành.
Khi thời xon phẩu uanh mạnh,
Khi thời bệnh não hoi-tanh gồm đời.
Cũng như bóng ngả nửa vời,
Mắt lòa tai diếc toi-bời tót tời.
Mặt giãn, gân cốt gập-gờ.
Chân run, giả tởi, ngần ngợ trong lòng.
Vị như xuân kể hè sang,
Cỏ cây sang tới thu đông dần dần.

Cơ quan ý nhiệm cho mau,
Kìa kia cửa thác mở hầu liền tay.
Đường trường chẳng cánh mà bay,
Bốn phương n-ù tí biết xoay đường nào.
Vi bằng giới-phẩm đã cao,
Công-phu đã lập còn sao dám bàn.
Phông như chưa tổ nguồn cơn,
Tư-lương sao chẳng lo toan gỡ mình
Gớm thay quý dữ vô-hình,
Lắm le gỏi chả không tinh nể ai.
Nói mà xớn ốc ghé tai,
Liệu mà chóng chóng kịp nơi đường về.
Tây-phương đức phật Từ-bi,
Thuyền bè cứu vớt sông mê cõi trần.
Một lòng niệm-phật ân-cần,
Tâm-châu rạng rỡ bụi trần khôn phai.
Xăm-xăm theo đức Như-lai,
Liên-hoa thác chất, Bảo-đái tiêu-dao.

Kệ rằng :

† Sông yêu nghìn thước nước xâu xa,
Bề khổ muôn lần sóng ngó pha,
Muốn khỏi vòng quanh thân khổ não,
Thời nều chóng chóng niệm Di đà(1).

(1) Do bốn câu kệ này dịch ra : ái 愛 hà 河 thiên 千 xích 尺
lãng 浪, khổ 苦 hải 海 vạn 萬 trùng 重 hí 波, dục 欲 thoát 脫
luận 輪 hồi 回 khổ 苦, cấp 急 cấp 急 niệm 念 di 彌 đà 陀.

Hành trình đi núi Yên-Tử¹

CHÚNG tôi tất cả 11 người ; khởi-hành ở Kiến-an 3 giờ sáng ngày mùng 5 tháng năm tỵ nă n 1935, đề sang bến đò Bình đáp ó-tô.

Xe chạy lúc 8 giờ, qua Mạo-khê, rồi theo đường đi Uông-bí, đến dốc Dô cách Mạo-khê chừng 16 cây số thì xuống. Lúc ấy là 10 giờ 45. Từ đây bắt đầu đi bộ, rẽ về bên trái, quanh co qua quãng đồi chừng hơn 4 cây số thì đến dốc mỏ than « Bi chót » của ông Bạch-Thái.

Vòng sườn núi, theo đường sắt của mỏ đi chừng 20 phút thì đến Cưa-ngăn. Ở đây có ngôi đền trông ra suối là nơi thờ bà Chúa cửa rừng, tương truyền là bà Nguyệt-Nga Công-chúa, em gái ông Quận Hảo Nguyễn-hữu-Cầu. Ngọn suối trước mặt là nơi khi đức Điều-ngự Giác-Hoàng Trần-nhân-Tôn vào Yên-tử tu, dừng lại ở đây tắm, nên gọi là « Suối tắm ». Chúng tôi lễ xong, nghỉ ăn cơm trưa ở đây. Một giờ 15 lại lên đường.

Hai giờ đến chùa Cầm-thực, hay là chùa Linh-nham. Đi vào phải qua một cái suối, rồi leo lên dốc, chung quanh thông mọc um tùm, mới tới chùa. Chùa tường sây, mái lợp lá, nhưng trông vẻ phong-quang. Hiện nay không có sư, chỉ có người thủ từ trông coi.

Tương truyền đức Giác-Hoàng đến đây, chỉ uống nước suối trừ cơm, nên gọi là « cầm-thực ».

Lễ xong, nghỉ ngơi một lúc, chúng tôi lại đi.

Từ đây, đường đã thấy gập ghềnh, khúc khuỷu, phải trèo qua hai cái dốc, gọi là dốc « Mụ chị » và dốc « Mụ em ».

Quãng dốc « Mụ em », hai bên có nhiều lối đi vào rừng. Nghe nói ở đây thường hay có quân gian-phi lẫn quất. Chúng tôi biết trước, nên có mang theo súng để phòng-bị.

Đi khỏi hai cái dốc này đã thấy mệt thở hơi tai, người nào người nấy phải dẫn trúc bên đường làm gậy để chống. Lợi qua mấy cái suối thì đến một chỗ thung-lũng rộng-rãi. Đây là làng Nam-mẫu. Lơ thơ mấy nóc nhà, hỏi ra mới biết làng này chỉ có chừng dăm xuất đình mà thôi. Nhưng xem ra ruộng đất nhiều, cây cấy và giồng giọt cũng khá. Ở đây về mùa nước, những người tiều-phu đốn gỗ kết thành bè rồi chở ra ngoài bán. Đi quanh sườn núi bên trái, rồi đến một cái suối hơi rộng.

Lợi sang bên kia bờ suối, rồi chèo lên cái dốc về phía tay phải thì lên đến chùa Lân dựng trên ngọn núi. Lối đi lên có đá xếp thành bậc, hai bên thủy-tùng cao lớn, rườm rà, trông có vẻ thanh-u, ngoạn-mục. Lại có nhiều tháp, tính ra tất cả chín ngọn, phần nhiều là để kỷ-niệm các sư-tăng và sư-ni thừa trước tu-hành ở đây. Chính tên chùa này gọi là « Long-dộng-tự ». Bên cạnh chùa có hòn núi hình con « Lân », vì thế nên gọi nôm là chùa « Lân ». Chùa làm bằng gỗ lợp lá, nhưng cao ráo, rộng rãi. Trong chùa có thờ tượng Trúc-Lâm Tam-Tổ. Ở sau chùa có ngọn tháp to và cao, xây bằng đá, trông rất hùng tráng. Tháp này có bia, chữ đã nhòa, nhưng còn đọc được nhiều đoạn. Xem bia thì biết đây là tháp đức « Huệ-tăng Thượng-chính-giác chân-nguyên thiên-sư »; người là sư tổ chùa Lân, tu hành đặc-đạo và làm được nhiều việc công-đức. Chính người đã soạn ra nhiều khoa-cúng và ngày nay các sư vẫn theo.

Lễ xong, chúng tôi vào nhà tổ hầu truyện sư cụ trụ-tri chùa này, năm nay ngài đã 81 tuổi và ở đây đã ngoài 30 năm. Ngài có cho chúng tôi biết rằng: Cảnh chùa Lân trước kia cũng khang-trang vui vẻ lắm. . .

Từ năm quý-dậu (1872) vì sự tiều phủ và sự tuần-phòng, quan binh về đóng đồn ở đó, cho nên sư dời đi nơi khác một độ; mãi đến năm nhâm-dần (1901) lại có sư về ở, và tu bổ lại.

Nói chuyện một lúc, rồi chúng tôi mời sư cụ ra chụp ảnh. Buổi tối cơm nước xong, Sư-cụ có dẫn cho chúng tôi biết sự tích Trúc-Lâm Tam-Tổ. Sáng hôm sau mới ba giờ rưỡi chúng tôi đã thức dậy để sửa soạn thượng-sơn sớm.

Chỉ hơn 5 giờ chúng tôi bái-biệt Sư-cụ để lên đường. Quảng này, lối đi ở giữa chũng xuống như lòng mo và nhẵn, vì đây là đường kéo gỗ ở rừng ra. Nhân hôm trước mưa, nước đọng lại, nhiều chỗ lầy lội hẳn thủ và trơn khó đi.

Kể từ chùa Lân trở đi, lối qua bầy cái suối khá to thì đi vào đến con đường vào « Mật-lộn ».

Ta nên chú-ý, chỗ này lối đi rẽ làm hai ngã. Cự tay trái là đường đi vào chùa « Giải-oan »; rẽ sang bên phải là lối vào chợ « Yên-châu », tức là đường « Mật-lộn ». Lối ra mới biết lối này đi thăm-thăm, dốc ngược người lên, vì thế người trước mới đặt tên như vậy.

Minh không đi qua, không biết thực-hư thế nào, nhưng nghe cái tên cũng đủ rùng mình.

Qua đoạn này thì thấy sừng-sừng trước mặt một quả núi gọi là « Voi-sò », dưới chân núi có bãi. Tục truyền ngày xưa, vua Trần Anh-tôn vào Yên-tử thăm đức Giác-Hoàng, kiệu đi đến đây thì đỗ lại. Khỏi chỗ này thì đến một khu rừng rậm, hơi chênh-chếch, có rất nhiều dốc. Đây tục gọi là « Xếp-ngoài ». Hết « Xếp-ngoài » chừng 10 phút thì đến « Xếp-trong ».

Sở-dĩ cò-nhân gọi « Xếp-ngoài » và « Xếp-trong » là vì trông hai quãng này như hai cái thềm bằng đất.

Qua một khu đất bằng-phẳng, rộng-rãi, bên phải có một dãy thông, rồi đến suối « Giải-oan ».

Đến đây chúng tôi ngồi nghỉ ở trên những hòn đá chênh-vênh, chung quanh nước chảy ào-ào, thông reo ròn-rập, thật là một cảnh nên thơ. Ngồi nghỉ mát và rửa mặt, thấy trong người khoan-khoai mà quên cả mọi sự khó nhọc trong quãng đường vừa qua.

Đến suối này là 28 cái; từ đây trở đi không còn suối nào nữa.

Cò-nhân gọi suối này là suối « Giải-oan », vì ngày xưa đức Giác-Hoàng nương ngồi cho vua Trần Anh-tôn đi vào Yên-tử tu, vua Anh-tôn cố giữ Ngài ở lại không được,

sau vua truyền cho Cung-tần, mỹ-nữ đi theo khuyên Ngải trở lại. Đến nơi, nói thế nào cũng không đổi được chí Ngải, các cung-nhân đành nào cũng khó nghĩ, về thì sợ trái lệnh vua, đành liều dâm đầu xuống đất mà chết. Bởi vậy đức Giác-Hoàng lập chùa ở sườn núi ngay đấy để làm chay siêu độ cho những người ấy.

Nghĩ đến đoạn lịch-sử thương-tâm này, chúng tôi lấy làm cảm-dộng khôn xiết kể.

Dưới suối bước lên, chúng tôi lần bậc đá chèo một quãng dốc khá giải thì tới chùa «Giải-oan». Từ đây là chân quả núi Yên-tử. Chùa lam bằng gỗ, lợp lá, dưới mái lát gỗ, trông có vẻ kiên-cố. Ở đây không có tháp.

Lễ Phật xong, chúng tôi xuống nhà tổ thụ trai. Sư cụ trụ-tri ở đây nói chuyện về mùa mưa, nhiều suối nước lên to và chảy như thác, có khi mấy tháng không đi lại được, nếu không trừ lương-thực thì phải nhịn đói. Người có cho biết rằng: năm ngoài ngót ba tháng, nước suối to, nghề ruộng, không ra ngoài mua bán được, chùa còn ít gạo quá, mỗi ngày chỉ ăn một bữa cháo thôi. Vì thế năm nay người đã cho trồng ngô, khoai, đậu, vãn vãn... ở chung quanh chùa để có thức ăn dự bị.

Nghe câu truyện khổ-hạnh của nhà tu-hành mà cảm-dộng thay!

Mười giờ rưỡi ở chùa Giải-oan ra đi. Từ đây càng lên cao mãi. Qua hai cái dốc «Lò-kèn» và «Giây-riều», chúng tôi phải men theo sườn núi, đường vừa hẹp vừa uốn khúc, phải đi cẩn-thận lắm, vì dưới chân núi sâu hoắm, nhỡ trượt chân thì nguy. Hết hai dốc này thì đến dốc «Voi-quỳ». Dốc này giải, hai bên san-sát những cây «thủy-tùng» trông tựa nhà Trần, tới nay đã mấy trăm năm. Cây cao và to hơn một người quàng, cành lá xanh rờn, rủ xuống thướt-tha trông rất đẹp. Lại thêm rừng trúc bát-ngát, phong-cảnh quanh mình thanh-tú lạ thường, khiến cho khách đặng-lâm mơ-màng, tưởng chừng như mình lạc vào chốn Đào-nguyên.

Mười một giờ 45, tới Núi-ngọc. Ở đây có tháp Tồ đệ-nhất xây bằng đá vừa cao vừa to trông có vẻ mỹ-thuật và hùng-tráng.

Ở giữa tháp có tượng Ngái. Tháp này do Tồ đệ-nhị dựng từ năm Khai-thái thứ tư, tức là năm 1328. Chung quanh tháp có một cái tường dây bao bọc như một cái thành, có cửa cuốn đi vào. Cảnh đấy về tay phải có tháp tồ đệ-nhị và Tồ đệ-tam. Ở giải-rác hai bên có chừng bảy tám ngọn tháp nữa để kỷ-niệm các vị tăng và ni là đệ-tử của các Tồ.

Chúng tôi đứng lại đây một lúc lâu và có chụp ảnh.

Rời chèo một cái đốc ngắn thì lên tới chùa Hoa-yên, tức là chùa Yên-tử hay là chùa Cǎ. Chính đây là nơi tu-hành của các Tồ ngày trước. Các tháp mà tôi vừa kể ở trên đều có bia ghi sự-tích.

Chùa này xây bằng gạch, lợp ngói. Tuy không được to tát lắm, nhưng ở trên núi mà dựng nên như thế, kể đã công-phu.

Ở chùa này có máng dẫn nước khe ở trên núi xuống để dùng.

Sư cụ trụ-tri ở đây, hôm ấy người mệt, nhưng tiếp đãi chúng tôi ân-cần lắm.

Lễ Phật xong, chúng tôi ra đi. Chúng tôi rẽ tay trái theo đường lên chùa Vân-tiêu, chứ không đi lối tay phải là đường qua chùa Một-mái, rồi cũng đi tới chùa Bảo-sát và Vân-tiêu.

Đoạn này nhiều dốc, đá lởm-chổm, mấp-mò, phải vừa chống gậy, vừa vịn đá, hoặc bám lấy cây để chèo cho vững. Chờng hai giờ đến chùa Vân-tiêu. Chùa làm bằng gỗ lợp ngói. Ở đây có sư ni trụ tri, tiếp chúng tôi vui-vẻ lắm. Lễ xong, nghỉ một lúc rồi chúng tôi sang chùa Bảo-sát. Chờng 10 phút thì tới nơi.

Sau chùa Bảo-sát là quả núi khá cao, đứng thẳng như một bức thành to.

Có một điều lạ là chùa này làm bằng gỗ nhưng mái lợp kềm. Sau hỏi ra mới biết khi trước chùa lợp ngói, bị đá

trên núi rơi xuống làm hư hỏng nhiều lần. Cách mấy năm nay, có nhà từ-thiện bỏ tiền ra tu sửa lại và làm mái kẽm đó. Nhà thờ ở sau chùa, một nửa ẩn vào trong vòm đá. Trên hầm đá có trần bằng kẽm để giữ cho nước khe khỏi chảy xuống bàn thờ.

Đứng ở đây thấy hơi lạnh vì chung quanh đều ẩm-thấp. Tôi nhận thấy có thờ tượng Tam tổ và nhiều tượng của các vị Công-chúa ngày trước đến tu-hạnh ở núi Yên-tử.

Ở chùa Vân-tiêu và chùa Bảo-sát thường có mây phủ.

Lễ xong, chúng tôi theo đường cũ về chùa Vân-tiêu. Lúc ấy ba giờ rưỡi chiều. Chúng tôi lại chèo dốc ở ngay sau chùa để lên chùa Đồng trên đỉnh núi.

Đây là đoạn đường cuối cùng, dốc nhất, có nhiều đá chênh-vênh, hình tai mèo, chúng tôi phải luôn luôn vịn vào đá, bám lấy cây và chống gậy để đi cho chắc chắn.

Trên này không có cây to, hai bên sườn rừng trúc-hoa mọc thẳng và đều tăm-tắp. Dưới chân trúc có nhiều các thứ lan.

Chúng tôi đi được nửa đường thì thấy sừng-sững bên tay phải một pho tượng đá cao chừng hơn hai thước tây trông uy-nghi lắm. Nhưng trải lâu đời, tượng ấy đã mòn nhiều, nên mặt trông không rõ lắm. Đây là tượng ông An-kỳ-Sinh là người trước nhất đã đến tu tiên ở núi này.

Đi khỏi tượng một lúc, trời mưa to, chúng tôi đều bị ướt cả. Lúc này chúng tôi lại càng hăng hái, vì trong người đương nóng bức, gặp trận mưa thấy mát mẻ, rãnh chịu, nên cố dẫn bước leo lên.

Nhiều chỗ, có những tảng đá nằm chênh vênh bên sườn núi, chúng tôi phải bò xuống mà men sang. Tuy vậy chúng tôi đều vững dạ vượt qua như thường. Có lẽ đức Phật đại-từ, đại-bi, ngài đã chứng tâm lòng thành của chúng tôi mà giúp cho chúng tôi đi được dễ dàng, không chút e sợ gì cả.

Bốn giờ 20 thì tới đỉnh núi, ai nấy đều lộ vẻ hớn-hở vui mừng.

Ở trên này có chùa gọi là chùa Đồng, bề giải chừng thước rưỡi tây, bề ngang hơn một thước và saο chừng 2

thước. Phía trên có thờ tượng Phật; ở dưới thờ Trúc-Lâm Tam Tổ.

Chùa này ngày xưa bằng đồng, gọi là Thiên-trúc. Thùa trước đức Giác-Hoàng hàng ngày lên đây ngồi thiền-dịnh. Chung quanh đó có những tảng đá to và thấp đứng dựng như những bức bình-phong hoặc soai-soãi hình bao lơn.

Nghe nói mái chùa trước bằng đồng, bị gió thổi bay mất đã lâu.

Chùa bây giờ là mới xây lại toàn bằng si-măng.

Chung quanh chỗ chúng tôi đứng đều có mây bao bọc, trắng xóa một màu. Chúng tôi trông ra ngoài mù mịt không thấy gì cả. Gió thổi ào ào mát mẻ, chúng tôi thấy khoan-khoái, nhẹ nhàng, bàng-khuáng hình như mình lạc vào một cái thế-giới khác. . .

Một lúc sau, thấy hừng nắng và mây đã quang, chúng tôi vội vàng thắp hương, đốt nến rồi làm lễ trước Phật-đài. Trong khi tâm-tâm niệm-niệm, ngưỡng trông lên trời rộng bao la, lửa-hương nghi-ngút, tự nhiên trong lòng thấy bình tĩnh, thư thái lạ thường, tưởng chừng như mình đã thoát ra ngoài cõi tục. . .

Lễ xong, chúng tôi ngồi nghỉ một lúc, rồi chụp mấy bức ảnh.

Giờ đồng hồ ra xem thấy đã 4 giờ 40, chúng tôi liền hạ sơn. Lúc xuống ung-dụng thành thơ lắm. Tôi vừa đi, vừa dăm dăm suy nghĩ lại càng tưởng-niệm đến cái đòi thanh-cao của các Tổ ngày trước đã bỏ nơi lầu vàng, gác tía, không tưởng gì đến sự vinh-hoa, phú-quý, quyết chí lên tới đây tu-đạo, để tìm đường giải-thoát và tỏ cho người đời biết tôn-chỉ đạo Phật là phương thuốc thần-diệu có thể cứu vớt chúng sinh ra khỏi bến mê bề thảm.

Chừng 5 giờ 25 thì xuống đến chùa Văn-Tiền. Nghỉ 3 phút, chúng tôi lại đi luôn về đến chùa Hoa-Yên thì trời gần tối.

Chúng tôi nghỉ đêm ở đây, sáng hôm sau, chừng 6 giờ thì ra về. Chiều tối đến nhà.

Hành-trình như tôi vừa kể đó ít nhất cũng mất ba ngày, là tính đi không nhanh mà cũng không chậm quá.

Cứ nghĩ đến đường trường vất vả; nào lên đèo, xuống dốc, lội suối, chèo non, vạch lau, rẽ lá mà đi, thì cũng đáng ngại thực. Nhưng nếu thành tâm quả quyết đi đến nơi, thì không thấy khó-khăn chật-vật hay nguy-hiểm gì cả. Một chứng cứ hiển-nhiên là trong bọn chúng tôi, có mấy vị Sư, tuổi già sức yếu và mấy bà-người mảnh-khảnh, coi chừng khó lòng đi bộ được dăm cây số, vậy mà chuyển đi Yên-Tử vừa rồi, chẳng những không thấy chồn chân, nản chí, mà đi lại nhanh nhẹn, mạnh bạo và vui vẻ lạ lùng.

Như thế đủ tỏ ra rằng chí kiên-nhẫn, lòng sốt sắng làm cho ta đủ nghị-lực, đủ can-đảm thắng được mọi sự khó khăn để cho ta đi đến nơi mục-đích.

Chúng tôi có ý xem xét thì khách thập-phương đi vẫn núi Yên-Tử rất ít, cũng là tại đường lối hiểm-trở và đi mất nhiều thì giờ. Cho nên hàng năm chỉ có chừng 200, hoặc nhiều lắm, 300 người tới đó mà thôi.

Núi Yên-Tử vừa là chốn tổ Trúc-Lâm đời Trần đã làm cho đạo Phật ở xứ ta thừa trước được hưng thịnh, lại vừa có phong-cảnh đẹp, thực đáng kể là một nơi danh-thắng. Thế mà ngày nay người đến chiêm-yết ít ỏi quá, thực đáng tiếc thay.

Vậy dám mong rằng các cụ, các ông và các bà trong Hội Phật-Giáo, cùng thiện-nam tín-nữ thập-phương, mỗi năm về cuối tháng hai, hoặc sang đầu tháng ba, là lúc tiết xuân mát mẻ, cổ dút chút thì giờ đi Yên-Tử, trước là lễ Phật, sau là thăm chùa, ngoạn cảnh và để biết cái công-phu của các Tổ ngày trước tu-hành thế nào.

Ta đi được đến nơi thì cái lòng tín-ngưỡng của ta lại càng phấn-khởi. Lòng tín-ngưỡng đã phấn-khởi thì ta càng năng đề tâm suy-nghĩ cho hiểu thấu những lý-tưởng cao-siêu, hoàn-mỹ của đức Thế-tôn.

Tinh thần ta vì thế lại thêm sáng suốt và tự-nhiên ta chỉ xu-hướng về điều hay lẽ phải, mà lánh xa những sự can rở, nhỏ-nhen tí-tiền.

Như vậy chẳng là tự ta sẽ gây lấy hạnh-phúc và sẽ được hưởng mãi mãi về sau.

VŨ-NGỌC-LÂM

(Kiến-An)

CÔNG VIỆC TIỀN-HÀNH

CỦA HỘI PHẬT-GIÁO

— Ngày 22 Aoút 1935, ban Quản-trị và ban Công-tác họp Hội-đồng tại Hội-quán, bàn những việc sau này :

1. — Việc làm một cái nhà giảng-dương ước 500 \$ 00 để tạm dùng làm nơi lễ bái, giảng-diễn trong khi xây chùa mới.

2. — Chuẩn-y ban Đại-lý Hải-dương bầu cụ Trần-văn-Đại Tuần-phủ lưu-trí, làm Trưởng-ban Đại-lý hội Phật-Giáo tỉnh ấy, thay quan Bô-chánh Nguyễn-huy-Xương thăng thuyên tỉnh khác.

— Ngày 1^{er} Septembre 1934. Ban Quản-trị họp Hội-đồng tại Hội-quán, bàn về việc xuất-bản tờ Đuốc-Tuệ tuần-báo là cơ-quan của Hội. Báo Đuốc-Tuệ giao bên Tăng-giới chủ-quản, cử cụ Bình-Vọng làm Chủ-bút, cụ Tế-Cát làm Thủ-quy, lái bán báo trừ chi-phi còn để giúp việc học cho Chư-tăng. Hội cử mấy vị cư-sĩ giúp việc biên-lập với Chư-tăng.

— Ngày 19 Septembre 1935, Hội Phật-Giáo họp phiên Hội-đồng gồm có các Tân-trợ hội-viên, các hội-viên ban Hộ-đạo, các Sáng-lập hội-viên, tại Hội-quán, bàn về việc dựng sở quỵen tiền làm ngôi chùa Trung-ương của Hội tại khu đất chùa Quán-sứ bây giờ.

Cụ lớn Võ-hiền Hàng-trọng-Phu, Danh-dự Chánh Hội-trưởng, và Cụ Tồ Vĩnh-Nghiêm, Nguyễn-thanh-Đàm Thuyền gia Pháp-chủ làm chủ-tọa.

Cụ Chánh Hội-trưởng Nguyễn-năng-Quốc trình hai cụ về việc hội Phật-giáo cần phải có một ngôi chùa Trung-ương ở Hà-nội thật to để làm nơi căn-bản cho tôn-giáo đạo Phật trong toàn quốc và để tráng quan-chiếm cho

khi có người ngoại-quốc đến văn-cảnh, đã dự trữ trữ hết bảy vạn đồng bạc. Vì món công-quả lớn lao ấy, Cụ Hội-trưởng cùng ban Quản-trị xin mời Cụ Võ-Hiền và Cụ Vĩnh-Nghiêm làm Chánh Hương-công, Hai Cụ đều vui lòng nhận, Cụ Võ-hiền có nói đề an-lũ cho Hội nên vững lòng quyết chí mà làm cho tròn quả phúc.

Sở quyền chưa lập mà nhiều vị Hội-viên phát tâm xin đề cúng như sau này:

Vô danh	500 \$ 00
Ông Bà Nguyễn-Tiến tức Cẩm Văn.	500, 00
Bà Lợi-Thái, Hàng bạc.	300, 00 (giao ngay)
Cụ Trịnh-thị-Tâm	100, 00
Bà Vương-ngọc-Tống	100, 00
Cụ Lưu-thị-Khuông, Ninh-bình	100, 00
Cụ Nguyễn-thị-Nghi.	50, 00
Bà Nguyễn-thị-Minh.	50, 00
Bà Lê-Dư.	50, 00
Bà Nguyễn-văn-Vĩnh	50, 00
Bà Đức-Lợi	30, 00
Bà Phúc-An	30, 00
Bà Léon Cerf	20, 00
Bà Ký Bào	20, 00
Bà Ngô-thị-Tại, Phúc-Lợi.	20, 00
Bà Nguyễn-thị-Châm	20, 00
Bà Nguyễn-thị-Khuyến, Hàng vải	20, 00
Bà Nguyễn-thị-Hạnh	10, 00
Bà Nguyễn-thị-Khuyến, ngô Tam-thương.	2), 00
Bà Hồ-thị-Nghiêm	10, 00
Bà Nguyễn-thị-Thin.	1, 00
Cụ Trần-thị-Điền, Ninh-bình	300 tạ vôi
Cụ Ký Dương.	{ 100 tạ vôi 1 vạn gạch
Cụ Thuận-Tin	100 tạ vôi
Bà Delorme	1 vạn gạch
Bà Leroy.	1 vạn gạch
Vô danh	1 vạn gạch

VIỆC THỀ GIỚI

Đã hơn hai tháng nay, nước Ý (Âu-châu) đem những quân hùng tướng mạnh, nào tàu bay, nào xe tăng, nào ô-tô học sắt, nào súng trái phá, nào súng liên-thanh, nào bom, nào hơi độc sang đánh nước Á (Phi-châu), đã lấy được mấy thành lớn của Á. Nước Á với nước Ý cũng cùng là hội-viên trong hội Vạn-quốc. Hội thấy hai nước có việc xung-dột với nhau, đã dùng hết cách bài giải-điều-hòa, mà nước Ý nhất-định hoành-hành, lấy võ lực cưỡng chiếm nước Á. Trong hội có nước Anh là có quyền-lợi quan hệ ở Á hơn cả. Nước Anh bèn cố sức vận-dộng với các nước có chân trong hội, định trừng-phạt Ý, không nước nào giao-dịch với Ý về đường kinh-tế nữa. Nước Á tuy là nước còn giã-man hèn-yếu, nhưng vua quan trên dưới đều có lòng ái quốc hàng-bái, liều chết chống-cự với quân Ý. Gần đây quân Á phản-công quân Ý, thắng luôn được mấy trận, về mặt bắc lấy lại được thành Makkalé (Ma-ca-dê), về mặt nam lại lấy lại được thành Annale (Ăng-nan) và thành Gorabai (Gô-ra-hai). Người ta còn sợ cuộc chiến-tranh ở Phi-châu sẽ lan ra thành cuộc đại-chiến trong các nước Âu-châu nữa, vì Ý bị trừng-phạt, hiện nay nước Anh cấm bán dầu hỏa sang Ý. Ý cấp-bách vì không có dầu hỏa dùng, chưa biết chừng nòi cáu mà phá bậy ở Địa-trung-hải (phần bờ Âu-châu) cũng nên.

Nhật với Tàu độ này cũng lại có chuyện nữa. Sau khi đã chiếm lấy Mãn-châu của Tàu, Nhật lại mưu nuốt cả mấy tỉnh phía bắc nước Tàu. Gần đây Nhật súi cho bọn gian hoạt ở Bắc-bình Thiên-tân đứng ra vận-dộng lập một nước tự-trị Hoa-bắc. Quân Nhật kéo vào trong cửa Trường-thành, làm thanh-viện cho cảnh tự-trị, hiếp chính-phủ Tàu phải để cho Hoa-bắc biệt-lập làm một nước. Chính-phủ Nam-kinh cùng chính-phủ tây-nam (Quảng-đông, Quảng-tây) đối với thời-cục nguy-bách ấy, phải cùng nhau hợp-tác để lo chống với Nhật. Hiện Tàu cũng đã phái nhiều đạo quân kéo lên mặt bắc, không biết có khi xảy ra chiến-tranh không?

Nước Hi-lạp (Âu-châu) trước đã bỏ quân-chủ lập thành
c.ình-thể dân-chủ, nay lòng dân trong nước lại chán dân-chủ,
rước vua cũ ở nước Anh lại về nước làm vua.

Phong-trào quốc gia ở nước Ai-cập gần đây sôi nổi dữ;
họ tức giận người Anh không cho họ được hoàn-toàn tự-chủ;
đảng quốc-gia phản-đối cái chính-phủ thuộc quyền chỉ sử của
Anh Học-sinh và dân-chúng kéo nhau biểu-tình phản-đối có
hàng ngàn, xung-đột với lính chính-phủ, đôi bên đều bị chết
bị thương luôn luôn. Họ phá tan cả nhà ông thủ-tướng hiện-
thời.

Đảng quốc-gia Ấn-độ độ này cũng hoạt-động dữ. Chính-
phủ Anh phải thiết quân-luật trong toàn cõi Ấn-độ.

VIỆC TRONG NƯỚC

■ 9 giờ sáng hôm 27-11-35 chiếc tàu Sekkom-Maru ở Vọng-
các (Bang-kok) có chở đến Saigon 2 người khách lạ: 2 vị Hòa-
thượng Mĩ.

Hồi năm 1930, hai ông được Chánh-phủ cấp tiền đi du-lịch
các nơi để khảo-cứu về Phật-học.

Đầu tiên hai ông sang Nhật ở một năm, ở Tàu 6 tháng,
Tây-Tạng 6 tháng, Vọng-Các 6 tháng, Ấn-Độ 2 năm, rồi trở lại
Vọng-các một lần nữa. Ở đó được 6 tháng, hai ông lại đi
tàu Sekkon-Maru sang viếng phong-cảnh Saigon.

Sáng 20 này hai ông từ giã Saigon sang Nhật.

■ Quan Toàn-quyền vừa tiếp-kiến các ông ủy-viên viện Dân-
biểu Bắc-kỳ nói chuyện về việc rượu. Ngài nói sự các ông dân-
biểu thỉnh-cầu cho dân được nấu rượu tự do thì ngài còn
phải đợi có thi-giờ xem xét sẽ hay. Nhưng ngài hứa quyết rằng
từ nay không hề ép dân mua rượu ty nữa. Nếu các quan chức
thừa hành có chuyện ép dân mua rượu thì sẽ bị trừng phạt
ngay.

■ Mới có nghị-định sửa đổi lại thể-lệ thi bằng Sơ-học yếu-lược.
Từ nay thi sơ-học yếu-lược bỏ kỳ vấn-đáp, và những thí-sinh chỉ
phải nộp bản sao-lục giấy khai-sinh tạm mà thôi.

■ Ngày 4 tháng 11 ta tức là ngày 29 Novembre, ở Ht ẽ đã cử hành lễ thành-phục Đức Thánh-cung (là Nguyên-phi đức Đồng-Khánh và là dich-mẫu Đức Khái-Định) rất long-trọng tại cung Diên-thọ. Hoàng-đế và Hoàng-lậu đều mặc đồ đại-tang.

Biết sinh-thời đức Thánh-cung rất hâm-mộ đạo Phật. Hội Phật-lạc ở Huế nhân lễ thành-phục ngài có xin phép mang ban đồng-ấu của Hội vào tụng kinh siêu-độ cho vong-linh Ngài tại điện Diên-thọ.

■ Vì muốn cho dân-quê khỏi phải nộp thuế phụ thu nặng, quan Thống-sứ đã tư cho các quan đầu tỉnh bảo phải xem xét các khoản công tiêu trong dân như tiền hương-sư, tiền tuần-tránh, tiền tế-lễ, văn vãn, mà liệu định cho dân một cách rất nhẹ. và phải bắt niêm-yết ở công-sở thứ tiền được phép thu.

■ Sang năm 1936, thuế-thân người Nam ở Lào được giảm 0 \$ 50.

HỘP THU'

Ông Vũ-ngọc-Lâm, Kiến-an. — Thư ông gửi 2-11, chúng tôi đã tiếp được.

Ông Nguyễn-văn-Cánh, Mỹ-bào. — Đã tiếp thư ông và hai bài lai-cáo của ông, xin cảm-tạ tấm lòng sốt-sắng của ông đối với « Đức-Tuệ ».

Ông Đỗ-đức-Long, Ninh-bình. — Thư ông gửi ngày 4 tháng một ta, chúng tôi đã tiếp được.

Ông Trần-dăng-Lương, Hải-phòng. — Đã tiếp thư ông. Việc trong thư ông nói sẽ xin trả lời sau.

Ông Vũ-đình-Quyết, Tiên-hung Thái-bình, đã tiếp thư ông và bản danh-sách các độc-giả mà ông đã phát tâm giới-thiệu cho bản báo. Cảm ơn ông và xin ông vui lòng gửi cho bức ảnh nhỏ để chúng tôi dán vào tấm carte ủy-viên nhà báo rồi gửi ông nhận lấy mà giúp việc bản báo; may lắm.

Ông Ích-trí, Ninh-bình, đã tiếp thư ông, cảm ơn ông lắm và xin ông cứ cho người lại chùa Cảnh-riều là nơi hội-quán địa-phương của bản hội lấy báo bán giúp cho.

Ông Vũ-ngọc-Lâm Kiến-an, cảm ơn ông có lòng với đạo mà cõ-động cho được nhiều độc-giả báo Đức-tuệ. Bản danh-sách những người mua báo, chúng tôi đã tiếp được rồi.

BẢN-BÁO KHẢI SỰ

Kính khải — Những bài thuyết-phá giảng ở các ban Đại-lý gửi về cho tòa Tuệ, chúng tôi xin nhắc đề các ngài. Mỗi bài xin đề rõ: **Tên đầu bài, giá, giảng ngày tháng nào, và viết một mặt giấy đề chúng tôi**

Bản báo có bán buôn và bán lẻ ở phố Richaud Hanoi và đại-biểu hội Phật-Giáo các lễ từng số cứ đến những chỗ hàng bán sách nhà nào muốn lấy báo bán, thì ở Hanoi xin đến chùa Quán-Sứ và ở địa-phương nào xin đến ông Chánh đại-biểu ở địa phương ấy mà hỏi; mua từ 10 tập báo trở lên được trừ 20%.

KÍNH TRÌNH CÁC CHÁNH ĐẠI-BIỂU CÁC ĐẠI-LÝ ĐỊA-PHƯƠNG

Báo Đuốc-Tuệ của hội có gửi tới các cụ, xin các cụ phát tâm giao cho một người nhà trông coi và phát mại cho. Nếu các hàng sách trong địa-phương có đến lấy báo bán thì xin trừ cho người ta mỗi hào hai xu mà thu tiền ngay. Còn ai mua một quyển thì bán 3 xu rồi vào sổ cẩn-thận sau sẽ gửi tiền về cho ông Cung-đỉnh-Bính chùa Quán-Sứ phố Richaud Hanoi.

仁

興

HÀN - HƯNG

75 10, Phố Hàng Manh, Số 10 — HÀ-NỘI



n vẽ các thứ Tranh Bội treo
 Tranh Phật Thánh, Tranh Mẫu,
 Tranh thờ Phật Thánh Bán các
 thứ ngũ sắc Phẫm, để ruộm tơ lụa, Thuốc vẽ
 tranh, thuốc sơn cửa nhà, Móc đan mành, Chỉ
 thêu, Chân chỉ, Vải tây. Kim nũ, Ngân nũ.

NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Ai người mộ đặc, nên chú ý:

Nghiên-cứu :

Kinh khoá hữu (mỗi tập) 0,20
 Kinh Từ thập nhị chương 0,10
 Long thư tịnh độ
 (toàn tập) 1,00
 (Xuất-gia tại-gia đều coi bộ này
 như khuôn vàng thuốc ngọc)
 Kinh di giáo (Lời di chúc
 của Phật, hay tuyệt) . 0,30
 Tây du ký (dẫn kinh phê bình
 chuyện) xem vừa vui vừa
 chóng hiểu giáo lý của Phật.
 Tập tập toàn bộ, mỗi tập 0,30

Tụng-niệm :

Kinh Dược-Sur 0 \$ 40
 Kinh Di-Đà 0,30
 Đại bi xá-m 0,10
 Kinh nhật tụng
 (Tập I Bát đại nhân giác và Dược-
 sur bản nguyện) dịch lối văn ba
 chữ, tụng rất hay . . . 0,05
 Những kinh kệ trên này đều in cả
 chữ Nho, âm nghĩa đối chiếu,
 tụng niệm rất tiện.
 Thư và Mandat xin đề
 M. NGUYỄN-BHƯ-KHA Imp. Hòa-ký
 N° 96 Route Sinh-tử — Hanoi

IMP. ĐUỐC-TUỆ

Quản-lý: CƯƠNG-BÌNH-BÍNH